

TRÍ TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

- * Địa vị hàn học trong văn học ta Hoa-Bàng
- * Một quyền Võ-Tánh mới Nguyễn-văn-Tổ
- * Tùy hứng : Thanh-niên Thượng-lân-Thị
- * Trả lời báo Thanh-niên về chữ « chẳng thà » Ứng-Hòa
- * Phương pháp viết sử của Lê-quý Đôn Tiền-Đàm
- * Đại-nam đặt-sự (XXXI): Thái-Tập và Thái-Kinh Ứng-Hòa
- * Văn đề nhất thống tiếng Việt Phiên-Thức
- * Những ông ngò triều Lê (LXXXII) Nguyễn-văn-Tổ
- * Bản sách dẫn về Đại-nam liệt-chuyện Lê-văn-Phúc
- * Tuồng hát Việt-nam (II) Hoàng-thiếu-Sơn
- * Cháy cung Chương-Vô (tiểu thuyết XXV) Chú-Thiên

0 \$ 40



ĐỊA VỊ HÁN HỌC

TRONG VĂN HỌC TA

HOA-BANG

Từ hồi tháng sáu, 1867, sau khi Phan Thanh-Giản dốc cạn chén thuốc độc, người mình như tỉnh một giấc mơ màng, ngơ-ngác nhìn quanh, thấy hết thảy mọi phương-dị đều thua kém người cả!

Khỏi hùa nhau qui tội cho Hán-học, đổ lỗi cho sách vở chữ nho.

Khoảng năm 1907-1908, phong trào duy-tân nổi dậy khắp nước. Người ta, một mặt, cổ-dộng tân-học, một mặt, hết sức bài xích chữ nho. Chẳng thế, ông Lê-Văn-Phát, ở hồi ấy, đã nảy nững ý nghĩ táo-bạo này trong bài diễn-văn của ông: «...Cái chủ ý của tôi là chỉ muốn khản-khoản xin nhà nước-dùng có ép người An-nam chúng tôi học chữ nho làm gì nữa, dùng có đặt cái khoản học chữ nho vào chương-trình trong các trường học nhà nước nữa...» (1)

Qua năm 1915, ở Bắc-kỳ, và năm 1918, ở Trung-kỳ, thi Hương bị bãi, sĩ-tử chung-bùng ngó nhau bằng con mắt nể sợ: «Tiểu là kẻ hèn khoa-cử! Thế là tàn cục văn-chương!»

Khỏi, không ai bảo ai, người ta gác ông quyền, bỏ gong lêu, lùa con em tuốt bỏ bộ áo rách dờ, bụi đầu, đội mũ, xoay cầm bút sắt, nể theo cái dịch đi học để làm ông phàn, ông thông, ông tham, ông dốt...

Sau khi nể «thang» tân học, dè dặt lên cái «lâu-dài» phú-

quí, người ta không những rờ-rúng chữ nho, coi sách chữ nho là vật vô dụng, chỉ đáng bỏ lại, xếp lên «gác cao» hay là chừa vào nhà bảo-tàng đồ cổ, mà quá hơn nữa, có khi người ta còn muốn quét sạch đi, bán nó cho những hàng đổi sách cũ để dùng vào những việc như bồi lọng, bồi sư-tử, bồi đầu rồng, phát quạt, dĩa vôi giấy, v.v.

Phản động lại, những thói bợ-bạc, tàn-nhẫn ấy của người đời, nhiều nhà văn-ta đã lên tiếng hô-hào bằng giọng thiết-thạ khản-khoản: Lợi dụng Hán-học! sưu-tầm tập-lập những sách chữ nho để nhật-lượng lấy những tài-liệu về văn-học, sử-học...

Họ đã làm được một việc hợp thời.

Vậy, nay tôi cùng các bạn thử xét qua cái địa-vị Hán-học trong văn-học ta!

1.) Hán học có quan-hệ mật-thiết đến lịch sử dân tộc ta. — Kể từ hồi Triệu Đà thoát-ly chính quốc, lập nước Nam-việt qua mấy nhà thứ mục người Tàu như Nhâm-Dân, Tích Quang. Sĩ Nhiếp cho tới đời Ngô (939-167) được nền độc-lập, Hán-học càng ngày càng đậm rề vững nền giữa dân-tộc Đại-Việt này. Cho nên trải mấy nghìn năm nay người mình vẫn công nhận chữ nho là «chữ ta» trước khi có chữ quốc-ngữ. Một chữ chữ, trước hồi tiếp-xúc Âu-

tây, trên từ Triều-dinh, dưới đến dân-dã, đã thông dụng trong công-văn, tư-khế, trường học, bài thi như thế, thì đủ biết cái địa-vị, cái thế-lực, cái ảnh-hưởng của nó đối với người mình là thế nào.

Cấp-tiến như ông Nguyễn-Văn-Vĩnh, thế mà đương hồi thanh niên, ông cũng phải «hàng phục» nho-học khi đọc một bài diễn-văn cổ-dộng về việc di-h sách, ngày 20-12-1907, tại hội-quán Trí-trí, Hà-nội:

«... Còn như sách nho, vốn đạo Nho là gốc cách ăn ở, gốc phong tục nước mình, ta nên giữ lấy, vì trước khi bỏ một đạo hăng phải có sẵn đạo khác hay hơn mà thế vào đã! Vả sửa lại thì sửa chỗ việc chi phải bỏ đạo Nho là đạo thực hay? Kia như sách nho đã có mấy nghìn năm nay mà vẫn những ý mới Ái-châu bây giờ cũng nhiều ý không ra ngoài tứ thư ngũ kinh. Sách thì hay nhưng học không hay cũng chỉ vì vướng học. Giờ bây giờ dịch ra tiếng nôm, mỗi bài chính văn lại lấy nhờ nhẽ nôm mình mà bàn cho khắp vào thực sự thì có nhẽ hay...»

2.) Chữ nho có liên-lạc khăng-khít đến việc viết báo, làm sách quốc-ngữ. — Một khi chữ nho nhập-liệt quốc-văn, thành ra thứ tiếng việt-hóa, tức là thứ tiếng hán-việt đồ. Cái lẽ

英雄: Tàu đọc là *ing hiông*; khi nhập-tịch quốc-văn thì là đọc là *anh - hùng*, chứ không là *ing hiông*;

時間: Tàu đọc là *chê kiên*; khi viết-hóa rồi thì là *thời - gian*, chứ không là *chê kiên* nữa;

印象: Khi đã áp-dụng vào quốc-văn thì nó là *ấn-tượng* (*impression*) chứ không như Tàu đọc là *trí sáng* nữa;

vân vân.

Nào được sự thuận tiện tự-nhiên ấy, ta cứ việc tha hồ nhét dùng những tiếng hán-việt. Khi cần đến để viết hoặc dịch các môn-bộ học-thuật.

Vì có cái may-mắn này, ta chẳng những sử-dụng được những tiếng hán-văn như *đạo-đức*, *tuân-lý học-vấn*, *nghĩa-lý*, *nhân-tử*, v.v., mà lại sẽ có thể lợi-dụng được cả những tiếng mới của hóa-văn qua hán-văn nữa, chẳng hạn như: *phán-tri* (phán-đoán mà biết), *châu-thức-hội-xã* (hợp cổ công-tị), *mãn-cảm* (cảm-giác mãn-nhiệt, hoặc cảm-giác quá-nhanh), *lục-hoà* (ruyệt), *phó-đút* (người không biết viết chữ), *son-phục* (người tu-hành), *ly-duyên* (đề-bỏ vợ, ly-dị vợ), *mật-phủ* (chống ngoại-tình), *mật-thê* (vợ ngoại-tình), v.v.

Có điều cần là, nếu ta giỏi văn hán, thông chữ nho, thì mới có thể dùng được các lợi-khí ấy. Trái lại, nếu ta không hiểu biết hán-học được đến nơi đến chốn, thì chẳng những không dùng nổi cái hay, cái tốt của người ta, mà lại chỉ tổ chuốc thêm cái lầm, cái dở vào quốc-văn nữa.

Các bạn hãy thử, đây ư? Trên mặt sách, báo, quốc-văn bây giờ nhan nhản những tiếng hán-việt dùng sai, viết trật

Vì không hiểu chữ « phục » theo nghĩa « thực được » hoặc « phục thuộc », nên người ta đã viết về tin ông Gandhi mà: chừng sờ rết rết: «...này vẫn chưa được lãnh mệnh, và hiện đang do một nhà chuyên môn *phục thuộc*». Chữ « phục » là tiếng thụ-động-từ. Cứ như câu đặt đó thì là thấy thuộc tự phục thuộc, chứ không phải là chữa thuộc hoặc điều-đi cho bệnh-nhân.

Lại vì người ta hiểu lầm chữ « tái bản » nên mới viết là «...đã tái bản rất nhiều lần » khi nói về một cuốn sách kia. Nếu cuốn sách ấy đã được in lại rất nhiều lần thì không lẽ nói là « tái bản » được, vì tái bản chỉ có nghĩa là « in lại lần thứ hai ». Bởi thế, hán-văn có những tiếng khác nhau để phân-biệt trong lần in một:

sơ bản: in lần thứ nhất,
tái bản: in lần thứ hai,
tam bản: in lần thứ ba,
sân vân.

Như vậy, tỏ ra những nhà cầm bút ngày nay cần phải tinh-thông hán-văn mới mong dùng đúng được những tiếng hán-việt, khi viết quốc-văn.

3) Tiếng hán-việt là cái lợi-khí để dịch sách Âu-tây và giới thiệu tư-tưởng ngoại-lai. — Những nhà úc-giả ngày nay ai cũng nhận rằng muốn trèo bá tr-trông ngoại-lai cần phải phiên-dịch thật nhiều những sách hay của ngoại quốc. Nhưng muốn làm công việc này, nếu chỉ biết rỗng một thứ tiếng pháp hay tiếng anh thì cũng chưa đủ, vì một khi làm đến công-việc phiên-dịch các sách ngoại quốc, i ra cũng phải tinh-thông cả dương-văn lẫn hán-văn. Nếu như rằng, từ ngữ-khi đến cú-pháp, nếu là nhất nhất

ráp theo lối hành-văn của tây-phương thì lần khi làm cho hạng độc-giả không hiểu chữ tây rất khó lị th-tội.

Và nếu ta không có một cái vốn như họ: khoa-khả thì lần khi gặp những danh-từ mới về triết-học, kinh-tế-học hoặc quốc-tế-chính-trị học v. v ta đến phải bỏ tay, không sao hạ bút mà dịch cho thật đúng được.

Một thí-dụ: một đoạn văn triết-học trong cuốn *L'Evolution créatrice* của Bergson mà ông Lê Chí-Tiệp dịch đây: « Bản năng viên mãn là một năng-lực để lợi-dụng, hơn nữa, để sánh-sân những cơ-quan dùng thay cho khí-cụ; trí-tuệ hoàn-toàn là một năng-lực để chế-tạo và dùng những khí-cụ » (Tạp-đàn tạp-chi, số 12, ngày 16 septembre 1939).

Nếu vậy, dĩ-nhiên giả it ra cũng phải hiểu giả ý nghĩa những tiếng bản-năng viên mãn, năng-lực, khí-cụ... mới có thể áp-dụng để dịch những đoạn trong ng. văn như *instinct achevé, faculté, instruments*... đó.

Nói tóm, hơn lúc nào hết, lúc này chúng ta cần phải học thêm hán-văn để biết chữ nho cho thật thấu-triệt, bây giờ mới mong lợi-dụng được những tiếng hán-việt một cách đúng chắc để khỏi làm mình làm người trong khi tự mạng làm một tên lính của toán quân vào-hóa chân-chính.

Một kỳ sau, tôi sẽ nói đến vấn-đề: những người không tinh-thông hán-văn có nên chăng biên-khảo những văn đề như văn-học, sử-học, triết-học đông-phương qua các dịch-phẩm bằng pháp-văn hoặc quốc-văn của người khác.

HUÂN-BÁNG

1) Trích Đại-Việt sử-kí, số 187, ngày 12 janvier 1908, trang 14-15.

MỘT QUYỀN VÔ TÁNH MỚI

Ung-hoà NGUYỄN-VAN-TÔ

Đã rồi; *Đại Việt tạp chí*, số 34-35-36 (1er Mars 1944 - 1er Mars 1944 + 1er Avril 1944) có 'ra một' quyền sách đề là *Hoài quốc công - Vô-Tánh*, 'tiểu sử' (tỷ bát phê bình) của cụ Biều-chánh Hồ-văn-Trung soạn ra, dày 89 trang, khổ giấy 14 x 20, trong có sáu bức ảnh về mộ và miếu thờ Hoài quốc công.

Tác-giả tìm-tòi loay-nhật được nhiều tài-liệu, xếp-đặt lần lượt rõ-ràng, phê-bình nhiều câu dịch-đáng; thật là một quyền sách có giá-trị mà đầy-dủ hơn hết, khiến cho ai ai cũng phải nhớ đến một vị khai-quốc công-thần, vì nước quyền sinh.

Tôi chắc rằng quyền *Vô-Tánh* này được hoan-ngheh nhiều, chẳng bao lâu sẽ tái-bản; nên tôi có vài điều muốn bàn cùng tác-giả, nếu tác-giả cho là phải, thì bài này cũng giúp ích cho việc cải-chánh được đôi chút.

Tác-giả dùng chữ nho nhiều-quá, như trang 38 có câu « Vua nhập thành chiêu an; phủ ủy sĩ tốt », nên đổi là vua vào thành chiêu an, võ về quân lính. Chữ nho trong truyện *Vô-Tánh*, ở bộ *Đại-Nam liệt-truyện* (sơ tập, quyển-6, từ 9 a) không có chữ « chiêu an ». Cũng trang 38, có chữ « hậu táng », nên đổi là chôn cất tử-tế. Trang 52 có chữ « phục-độc được » đổi là uống thuốc độc, và chữ « coi tấn lộn và tống tàn », đổi là coi việc khám-định « mới đưa. Trang 61, có chữ « công chúa hoán » nên đổi là

công chúa, mất. Cùng trang có chữ « vì đại-đọa nên bị cách » hai chữ « đại-đọa » nên đổi là lười biếng. Trang 56 có chữ: « giám thủ phụng tự » có thể đổi là coi giữ thờ cúng. Trang 63, có câu: « Can của bà Từ-phi Nguyễn thị sanh », nên đổi là « Con của bà Từ-phi họ Nguyễn sanh ra », thì mới rõ, mà nghe khỏi nhầm. Chính chữ nho cũng chép « Nguyễn thị sở sanh » (*Đại-Nam liệt-truyện*, q. 3, từ 4 a). Trang 66, có câu « ... đội qua Hồ-oai Hậu-vệ, phủ Thanh-Ba », ba chữ « phủ Thanh-Ba », nên viết là đem quân ra giữ biên-thùy ở Thanh-ba.

Có câu dịch chữ nho không rõ nghĩa, như trang 34 câu: « Nguyên-Sốai là vua thứ nhì trong nước. ... », chữ nho là « Soai-phủ quốc chi thứ-nhi » (*Đại-Nam liệt-truyện*, sơ tập q. 6, từ 7 a) chữ « thứ-nhi », *Từ-nguyên* cho đồng nghĩa với « chữ-phó », « chữ phó » cũng như « Thái-tử » thế thì ba chữ « vua thứ-nhi » không đúng, nên đổi là « Nguyên-soai là ngôi thái-tử trong nước ». Cùng trang ấy có câu: « ... há còn gọi được nhà cô con biết can, nước có tôi biết gian-sao? », tuy là dùng chữ nho, nhưng nghe không rõ, nên đổi là « thì sao gọi được là nhà cô con biết can cha, nước có tôi biết gian vua? » Lại câu: « Vô-Tánh đã được thân với nhà vua... », nguyên chữ nho là « Vô-Tánh ký thân qui... » (*Đại-Nam liệt-truyện*, q. 6, từ 7 b): Vô-Tánh

đã là bác thân qui, thân là, lấy công chúa, qui là lấy; quan to hai chữ « thân qui » nên dùng chữ nho mới đặt là « được thân với nhà vua », thì có thể lẫn được, mà lại thiếu nghĩa.

Có vài chữ in nhầm, như trang 56 có chữ « phý » nên hết, « chữ » « uy » ấy, (chính là chữ « thuy » *Đại-nam liệt-truyện* q. 6, từ 16 a). Trang 66 có chữ « Nhu-gia thái-trưởng quận-chúa ». *Đại-Nam liệt-truyện* (q. 3, từ 4 a) chép là « Nhu-gia thái-trưởng công-chúa »: chữ « quận » phạm... v. v.;

Có chữ dùng sai nghĩa, như trang 33 có câu: « Ứng-dầu binh vừa tới Ca-đảo thì tư bề có giặc Phủ vây ». Lê-văn-Ứng làm chức thái-phủ của Tây-sơn, quân chúa Nguyễn đón đánh, « tư bề có giặc » tức là Vô-Tánh, Nguyễn-đức-Kỵ và Lê-chất đến vây. Lê-văn-Ứng: thế thì chữ « giặc » nhầm. Nguyên đoạn chữ nho ở *Đại-Nam liệt-truyện* (q. 6, từ 9 a), nghĩa như sau này: « Quân ta đến sát, thành Qui-nhơn Vô-Tánh sai đem quân đánh đạo đến vây. Thái-phủ của giặc là Lê-văn-Ứng ra thành được quân đến vây sát, thu vận-quân trong, làm kế y-giác. Vô-Tánh sai Nguyễn-đức-Kỵ đi đóng tại, Lê-Chất đi đóng ở bên, tự đem quân đánh Lê-văn-Ứng ở Ca-đảo, bắt sống được 6.000 quân và 50 con ngựa... ».

Trên này là nói về
tiền sử. Bây giờ nói
đến bài văn - tế của
Đặng - đức - Siêu mà
tác-giả sao lục dưới
tập tiền - sử xét ra
cũng có vài chữ
khác. Tôi cứ bản
sao của trường Bắc-
cổ mà so (Quốc - văn
tùng ký, A B 383,
tờ 26 a - b): chữ
«tùng trả», chép
là «tùng giải» phải
lên, vì chữ «tùng
giải dạ trung thành»
là một hơi, cũng như
«phơi gan giải mật»:
nên đọc là «trải»
thì phải đọc «gian
ran từng trải», dùng
hơi, rồi mới đọc «dạ
trung thành», và
không - đối với về
dưới. Câu «Điền-
bái chẳng sai lòng
tiết-nghĩa», bản nôm
chép là «Điền-bái đảm
lạy lòng tiết-nghĩa»:
kể cũng giống nhau,
nhưng chữ «dám lạy»
hay hơn. Câu «Chí
điêm - cửu đành trải
xuống ba quân»: chữ
«trải» ấy, bản nôm
cũng viết là «giải».
Câu «Cối Phú-xuân một
trận khét oai trời»:
chữ «khét» bản nôm
chép là «thét», cùng
nghĩa, nhưng «thét»
là tiếng cổ, hay hơn.
Câu «Há rằng ngại
một phen thủy
thạch»: chữ «thủy»,

THANH NIÊN

I

Thanh niên ôi! Thanh niên ôi!
Tết đến chồng thêm tuổi nữa rồi.
Nợ nước ơn nhà hai gánh nặng
Sao đây? cho trọn nghĩa đền bồi.

II

Thanh niên ôi! Thanh niên ôi!
Lượn sông đưa tranh nọ dập dề.
Tự Mỹ sang Âu, sang tới Á.
Ai khôn thì vãng, dại thì trôi.

III

Thanh niên ôi! Thanh niên ôi!
Đạo cả tư thân trước phải nhồi.
Trông với gia đình, ngoài xã hội.
Nâng cao phẩm cách cả và đời.

IV

Thanh niên ôi! Thanh niên ôi!
Đời mĩa-mạt cho lắm sự tồi.
Luân lý tình thân trong sạch kết.
Chỉ còn dạng dạng dính ngoài môi.

V

Thanh niên ôi! Thanh niên ôi!
Tan nát tim ta đã lắm rồi!
Mong mỗi ngày đêm gần hết kiếp,
Con đường lẩn bộ văn xa xôi.

VI

Thanh niên ôi! Thanh niên ôi!
May được lên cao chót vót ngồi,
Sung sướng đỉnh-chung là bậc nhất
Nên thương con đỏ, trẻ mồ côi.

VII

Thanh niên ôi! Thanh niên ôi!
Một nước, sáu dân khó nấy chời
Xe trước ngã rồi, sau phải tránh,
Điêm dơ bia lạc dễ gì bời.

VIII

Thanh niên ôi! Thanh niên ôi!
Hai chữ «Thanh niên» đáng trọng rồi.
Giữ một lòng ngay bền chí cả.
Đừng cho có tiếng «bạc như vôi».

THƯỢNG TÂN-THI

bản nôm chép chữ
«thi» là «tên»,
dùng hơn. Câu cuối
cùng: «Sắp mao viết
dề mỗ nên bình-trị»:
chữ «Sắp» bản nôm
chép là «xếp», phải
nghe hơn, vì xếp là
cất đi, giặc tan thì cất
khí - giới đi, nếu
«sắp» thì là sắp
bàng: sắp bàng là
còn phải ra trận, thì
bình - trị sao được?

Mấy chữ tôi bản
trên này không lấy
gì làm hệ - trọng, - sở
dĩ nói - ra đây là
để góp vào việc tái-
bản, và để đọc - giả
biết rằng vì sách
hay, nên tôi xem kỹ.
Tiền kia tôi có nói
tác - giả đã ra công
thim - kiếm tài - liệu,
tôi dám chắc rằng
ai đọc xong cũng
tưởng - tượng cuốn
sách của cụ Hồ-Điều.
Chánh như một thứ
đài kỷ-niệm dựng lên
để sùng - bái một vị
anh hùng cứu - quốc,
ai đọc xong cũng
phải cảm ơn tác - giả
đã làm rạng cái lòng
nghĩa-khí và cái chí
linh trung của Hoài-
quốc - công là một
bậc anh-khật có tiếng
lừng-lẫy trong lịch-sử
và đáng làm gương
cho muôn đời.

Ứng-hoà

NGUYỄN-VĂN-TỐ

TRẢ LỜI BÁO THANH NIÊN VỀ CHỮ

« CHẲNG THẢ »

Ứng-Hòa NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tác-giả bài *Thấy đâu* nói đó mới trả lời trong báo *Thanh-niên* số 33, ngày 29 tháng tư tây vừa rồi, Về chữ « thả » và « chẳng thả » : không đoạn nào được rành rọt, đoạn nào cũng « lúng-túng như thợ vụng mất kim », — lại dấu thiếu, — dịch sai, — và « kém thả th-thực ».

Như trang 7, tác-giả dẫn một câu về chữ « ninh » ở tự-điền Génibrel (*Dictionnaire annamite français*, trang 490), nhưng lại bỏ, không dẫn chữ « chẳng thả » là chữ cần phải dẫn, vì là chữ đang xét nghĩa. Thế có phải là « kém thành-thực » không ? Nay tôi dẫn ra đây để độc-giả xem. Tự-vị Génibrel không chép chữ « chẳng thả » vào chữ « chẳng », chép vào chữ « thả » ở trang 802, vì chữ « thả » và « chẳng-thả » cùng một nghĩa, là « danh thế còn hơn » (plutôt; plutôt... que de), không phải tách ra : « chẳng » là « không », « thả » là « danh-thế ». Tự-vị Génibrel thí dụ hai câu : « Thả không cho gặp buổi đầu thời thời. Mieux eût valu qu'ils ne se fussent jamais rencontrés. Thả chết chẳng thả phạm sự gì then thường xấu hổ. Plutôt mourir que de furfure ». Câu thứ hai nghĩa thế nào, lát nữa tôi sẽ nói rõ ở dưới này. Bây giờ hãy kể nốt « cái lỗi kém thành-thực » của tác-giả mục *Thấy đâu* nói đó ở báo *Thanh-niên*.

Tác-giả nói rằng theo ý tác-giả,

« trong các tự-điền thì... chỉ có quyền *Việt-nam tự-điền*... là có sau hơn hết, tất-nhiên (?) đầy đủ hơn hết ». Đã vậy, sao tác-giả không mở quyền *Việt-nam tự-điền* xem câu tôi chưa có đúng không : chữ « dĩ hơi » có đi với chữ « một tiếng » không ? Việc gì phải « phân tích (?) » ra 2 phần như vậy : a) *không* và b) *dĩ hơi một tiếng*... ? Có phải lúng-túng và « kém thành-thực » không ? *Việt-nam tự-điền* (trang 151) cái nghĩa dĩ hơi là « há miệng ra mà nói », thí - dụ : « Không dám dĩ hơi », chứ không có câu « Không dám dĩ hơi một tiếng » ; ngược đến chữ dĩ răng, là « hé răng ra mà nói », thì *Việt-nam tự-điền* mới dẫn câu « Không dám dĩ răng một lời ». Giá tác-giả dẫn cả ra, rồi có muốn phê-bình thì cứ nói : có phải tránh được « cái lỗi kém thành-thực », mà, không phải « phân-tích » (?) ra lời-thời như thế kia không ?... Nhưng mấy khi người có lỗi lại chịu tự nhận rằng mình có lỗi !

Dẫn tự-điền *Việt-nam* còn thiếu buống chỉ tự-điền Tàu.

Tác-giả bài *Thấy đâu* nói đó viết ở trang 7 một câu rằng : « Trong *Từ-nguyên*, chữ Ninh (mà ta dịch là Thả) có nghĩa là *Nguyện* (!!). Dùng nó là để chỉ sự mong-ước (!!) ; sự lựa chọn ; — trong hai điều nào chịu điều này hơn điều kia »

Mở *Từ-nguyên* ra xem, quả nhiên tác-giả bài *Thấy đâu*... vừa dẫn thiếu, vừa dịch sai. Chữ « ninh » là thả, chữ nlo giải nghĩa là « nguyện - từ » (*Từ-nguyên*, quyền dân, trang 80). Tác-giả bỏ bớt chữ « từ », cái nghĩa chữ « nguyện » là « mong-ước » !!! — Bỏ bớt đi đã là « phạm vào cái lỗi kém thành-thực », — làm sai nghĩa để xưng-xung cái lấy được, lại là một lỗi nữa : thế mà dám lấy chữ Hán ra dẫn chứng !

« *Nguyện-từ* » ở *Từ-nguyên* là giải nghĩa chữ « ninh » : phải lấy cả hai chữ, không thể dùng một chữ « nguyện » được, vì chữ « ninh » không phải nghĩa là « nguyện », mà cũng không phải « thả » là « nguyện », vì « thả » là bắt-đầu-đi, không được như ý thì « thả ». . . Chữ « nguyện » đứng một mình mới có nghĩa là « mong-ước », mong-mỏi, tự ý mình bằng lòng mà nguyện.

Thế mà tác-giả mục *Thấy đâu*... của báo *Thanh-niên* cái nghĩa chữ « ninh » là « mong-ước » ! Rồi tự-điền hỏi một câu rằng : « Đồng-nghĩa với nhau chỗ nào ? »

Thông-thả, để tôi lấy tự-điền *Khang-hi* cho mà xem : « Chữ vô-ninh (chẳng thả) còn nghĩa là nhĩn (thả), tức là thả chịu (nguyện-từ). Sách *Tả-truyện*, về năm Ấu-công thứ 11, có câu : Chẳng thả nay Hứa-công lại vắng giữ xã-tắc ». Nguyên-văn chữ Hán là « Hựu vô-ninh : ninh giả, nguyện-từ giả. *Tả-truyện* Ấu thập nhất niên, vô ninh từ Hứa-công phục phụng kỳ xã-tắc » (trích ở *Khang-hi tự-điền*, dẫn tập thượng, bộ mên, và *Nhật-giảng Xuân thu giải nghĩa*, q 4, tờ 20 b).

Thế là tiếng ta với tiếng tàu đều cho chữ « thả » với « chẳng thả » giống nghĩa nhau như một.

Trên kia tôi đã nói, tác-giả mục *Thấy đâu...* không những dẫn thiếu, lại còn dịch sai. Quả nhiên dịch câu « Ninh vi kê thủ, bất vi ngư hựu », là « Thả làm đầu gà, chẳng thả làm dit con trâu » thế là bịa chữ « chẳng thả » cho nó ăn với những chữ bịa trên kia, chứ thực ra câu ấy chỉ có thể dịch là « Thả làm đầu gà, chớ làm dit, trâu ». Lại câu « Ninh nhân phụ ngã, vô ngã phụ nhân », mà dịch là « Thả người phụ ta, hơn là ta phụ người » cũng không đúng: câu ấy phải cắt nghĩa là « Thả người phụ mình, chứ mình đừng phụ người ». Có phải tác-giả đều dịch ép không? mà vẫn « phạm vào cái lỗi kém thành-thực ».

Chữ Hán dịch không nổi ra đánh, còn tiếng ta thì thế nào? — Cứ kể hồi câu ấy cũng thế, vì tác-giả đã dịch chữ « nguyện-ừ » là « mong-vớ », thì còn giảng làm sao nổi? Nhưng cũng nên nói qua.

Tác-giả cho câu « Thả bán lỗ, chẳng thả xách rồ về không » là « mình cũng nguyện (1?) bán lỗ hơn là xách rồ về không »... Có ai buôn-bán lại « nguyện » một câu gán-dở như thế không? Mang rồ háng đi bán, cốt kiếm chút lời, mà lại « nguyện » bán lỗ, thì có lẽ chỉ có tác-giả mục *Thấy đâu...* của báo *Thanh niên* mới có cái ý nghĩ kỳ-khôi như thế. Tác-giả đã tách chữ « chẳng thả » ra làm hai, cho chữ này trái với chữ kia, — không chịu theo tự-điền Génibrel, dịch chữ « thả » với « chẳng thả » làm một, — nên mới đặt ra câu « nguyện « nguyện bán lỗ », để làm

trò cười cho thiên-hạ! Thế mà câu ấy có khó gì cho cam? Chỉ có nghĩa là: đành bán lỗ rồ háng, để lấy tiền đóng gạo còn hơn mang rồ về không.

Đến người mới học quốc-ngữ cũng hiểu được. Nguyên thứ bảy vừa rồi, tôi phải đi thăm một lớp học của Hội Truyền-bá quốc-ngữ, có người lớn tọc, phần nhiều là buôn « rồ » bán mẹt. Nhân vừa tiếp được tờ *Thanh niên*, số 33, của báo *Tri tân* gửi lại xem, tôi có đưa cho một người học trò đọc thử: họ đọc đến câu giảng nghĩa của *Thanh niên* thì họ không thể nhịn cười được. Tôi mới hỏi thế ra hiểu nghĩa à? Cả lớp trả lời rằng: « Câu ấy nghĩa là bán lỗ còn hơn là xách rồ về, không có tiền đóng gạo cho con ăn ».

Chính tiếu. Hện nay có người đọc câu ấy là: Thả bán lỗ còn hơn xách rồ về không ». Ông Triệu Hoàng Hòa, tác-giả quyển *Tục-ngữ annam* (quyển 1, trang 59) cũng dịch câu ấy là « Thả bán lỗ còn hơn là về rồ không » (*Mieux vaut vendre à perte que de revenir le panier vide*). Bao nhiêu câu có chữ « thả » và « chẳng thả », các nhà làm sách đều dịch ra chữ Pháp là « còn lỗ » (*plutôt... que de, mieux vaut*), và đều cho hai chữ cùng một nghĩa, chữ « chẳng thả » đặt vào giữa câu cho mạnh thêm, thí dụ câu « Thả ăn bắp lột chà vôi, chẳng thả giàu, rồ mỗ cời một mình », nghĩa là thả ăn lúa ngô, cả lột hay dãi vỏ lãng nước vôi, còn hơn giàu-có cho-chọi một mình, ý nói ngiêu mà ăn ngô, còn hơn giàu mà cô-độc (1).

Nói tóm lại, ca-dao tục-ngữ thường đặt chữ « thả » và « chẳng

thả » đi đôi với nhau, và cùng một nghĩa với nhau. Chính tự-điền Génibrel, mà tác-giả bài *Thấy đâu...* dẫn ra, cũng dịch câu « Thả chết, chẳng thả phạm sự... xấu hổ » là « Thả chết còn hơn là làm điều xấu » (*Plutôt mourir que de se faire*) (2).

Thế mà tác-giả dám chữa câu: « Chẳng thả chết già ở đây còn hơn » làm câu « Chẳng bằng (?) chết già đây còn hơn » Nguyên người ta nói: một đảng đi làm quan, một đảng chết già ở nhà; hai đảng khác nhau, nên mới dùng chữ « chẳng thả ». Nếu chữa là « chẳng bằng », thì ra làm quan với ở nhà là một: làm quan không bằng ở nhà. Chữa như thế có khác gì người ngoại-quốc bập-bẹ tiếng ta cắt nghĩa câu « Thôi đi! » làm đừng chân lại, hay dịch chữ « lý cùn » làm ông lý tên Cùn!

Có một điều lạ, là báo *Thanh niên* đang những bài như thế, mà không nói rõ ai chịu trách-nhiệm: tác-giả hay cả tòa soạn? Không nói rõ, nên tôi không thể chỉ đến chữ ký, mà dù có ký tên thật chẳng nữa, tôi cũng không kể đến, vì theo lệ làm báo, bài nào sai-lầm gán-dở, mà vẫn phải đăng, thì tòa soạn dè mảy câu. Ở đây tòa soạn *Thanh niên* có dè, nhưng chỉ yêu-cầu đăng lại bài trả lời. Tiếc rằng bài trả lời ương dở và sai lầm nhiều quá, không thể đăng được. Trên kia, đã dẫn nguyên-văn nhiều rồi, thế đã là quá lắm. Nếu sau này báo *Tri tân* có thừa giấy, tôi sẽ trả lời này đoạn nữa, xét ra không hề-trợng gì, nhưng cũng sai-lầm như những đoạn trên.

(Xem tiếp trang 21)

PHƯƠNG PHÁP VIẾT SỬ CỦA LÊ QUÝ ĐỒN (1)

TIỀN-ĐAM

Về sử học có nhiều bạn tôi quen biết thường phàn-nàn lối chép sử của các cụ tã xưa. Muốn làm cho các bạn hơi khó lỉnh ấy được vừa lòng, tôi xin giới thiệu bộ *Đại-Việt thông Sử* (hay *Lê-Triều thông sử*) 30 quyển của Lê quý Đồn đã làm vào khoảng năm 1749 (niên hiệu Cảnh Hưng thứ 10).

Lê quý Đồn đã có một phương-pháp làm sử rất đáng chú ý

Bộ *Đại Việt thông sử* của ông chép bắt đầu từ hồi vua Lê thái Tổ khởi nghĩa Lam sơn khoảng năm 1418 cho đến hồi nhà Mạc thoán vị, năm 1527.

Bộ sử ấy có giá trị nhất trong các sách của ông, vì ông đã xét nhận, phán đoán các sử sách Trung Quốc, Việt nam, kiếm tìm tài liệu rồi mới viết.

Đề trướng thực việc làm ấy, không gì bằng tôi nhường nhờ ông Lê đã viết ở bài tựa bộ *Thông sử* vào tháng trọng thu, năm Kỷ ty, niên hiệu Cảnh hưng thứ 10 (1749) mà tôi trích và lược dịch sau đây:

« Nước Việt ta lập quốc, chép sử cũng theo dùng lối biên niên như *Lý Ký* của Lê văn Hưu, *Trần Thư* của Phan phu Tiên giản dị, chính đáng cũng có chỗ đáng bắt chước nhưng đến đến chương một đời phần chiểu không thấy chép, người xem sử chỗ chỗ khó hiểu vậy ».

Nói về sử sách từ đời Lê Thái Tổ, ông viết :

« Từ khi Tiễn Triều có thiên hạ, Thái Tổ là bậc thần võ mở nền, Thái Tông là bậc anh minh nổi nghiệp, thuần hoàng tài lược hơn đời, trăm việc đổi mới, Hiến Tông thiêu tư khoan hậu, hết phẩy theo xưa, những nhời huấn cáo về văn mô, vũ liệt, những ý tốt về chương trình văn vật không kém gì Trung Quốc mà xem đến *thực lục* thật là thiếu hẳn.

« Trong đời Hồng đức (1470-1497) có Tể tửu Ngô sĩ Liên biên chép từ niên hiệu Thuận-Thiên (1428-1433) đến Diên ninh (1454-1459) gọi là Tam triều bản kỷ chép việc cũng kỹ, nhưng sắp đặt chưa được rõ ràng. Lúc bấy giờ, tuyên dụng sử quan rất kỹ càng, như ông Lê Nghĩa chẳng hạn, thấy việc chép đúng, có cái sử bút của người xưa, nhưng bộ nhất lịch của ông đến nay không còn.

« Trong đời Hồng-thuận (1509-1516), quan Tổng tài là Vũ Quỳnh chép nối từ niên hiệu Quang-thuận (1460-1469) đến Đoan Khánh (1505-1509) gọi là « Tứ triều bản kỷ », về sắc lệnh điều lệ thì hơi đủ, nhưng những việc tuyên bố, sơ lược của Thần liêu còn thiếu sót nhiều.

« Từ Hồng-thuận trở xuống đến đời Trung hưng, các quan trong đời Dương đức chép nối, lược lặt, thiếu nhiều, cách thức chưa đủ... »

« Ông Lê quý Đồn cho rằng phép làm sử nhai :

« Đại để phép làm sử cốt phải bao quát cho rộng, chép đúng không thiếu sót việc gì, khiến người sau dễ mở quyển sách thì đã thấy hết đầu mối, biết được gốc ngọn, rõ ràng như mắt thấy tai nghe ».

Theo ý kiến của Lê quý Đồn nói trên, tôi lại sức nhớ đến đoạn văn nói về phương pháp làm sử của nhà đại văn hào Chateaubriand trích dịch dưới đây :

« Theo ý tôi, cái phương-pháp về lịch sử ký sự thế này là phải : sử không phải là một trước thuật về Triết học mà là một bức đồ họa. Phải thêm vào việc ký thuật phép tượng trưng sự vật, nghĩa là vừa phải vẽ hình vừa phải tô màu, phải cho các nhân vật có những ngôn ngữ và tính tình, thời đại họ và không nên xét họ bằng quan niệm riêng của mình, cái nguyên nhân chính làm sai sự thực. Nếu đặt làm phương pháp, cái mà ta cho là tự do, là bình đẳng, là tôn giáo là tất cả các nguyên tắc của chính trị rồi lại đem áp dụng cái phương pháp ấy vào tình hình cũ của sự vật, ta sẽ làm sai sự thực, ta bắt người sống ở trong hoàn cảnh ấy, phải có những điều mà họ không tưởng đến bao giờ (2) ».

Đã nêu lên cái phương pháp chép sử, Lê quý Đồn lại trình bày rõ ràng ông đã làm quyển *Thông sử* này thế nào :

« Tôi trộm nghĩ, tự xét mình, muốn phỏng theo lối chép

chuyện (của các sử gia Trung Quốc) phân ra từng việc, từng mục, cho rõ ràng, phụ thêm ý mình làm bài luận tán, tự thuật, còn các đời vua thì phỏng theo lối *Tùng thư*, *Tấn thư* của Ngụy Trưng, chép chính sự đời Lý, đời Trần ở trên Tiên-Triều gọi là *Thông Sử* để làm đại diện một đời...».

Ông lại cho biết cả rồi khó khăn của ông và cách ông đã dùng vào việc trước thuật ấy :

« Nhưng ngày nay cách triều trước đã vài trăm năm, sách tâu, sử nã, mất mát đã lâu, những di tục cổ-gia không thể hỏi và được, muốn chép thành truyện thật là khó khăn... nay chép truyện chỉ từ trước chưa có mảnh giấy, mảnh chữ mà chép làm thực-lục, giản lược có chỗ nhầm lẫn, không đủ chứng cứ, lại nên rộng tập lược các tập thư, di kỷ, dã-sử, liệt truyện cùng di-văn ở vàng đá, phá hệ các thế gia và các sách chữ nho bên tâu chép, điều phải, điều trái, điều thật, điều sai, phải nên sơ-sắc; sưu-tầm đã khó, biết lợi cũng không phải dễ, cổ gốc mông mênh, công lao khó nhọc, mỗi khi cầm bút muốn viết lại phải ăn uống, dần dà mãi mãi há dám dứt bỏ la xong ngay, no theo họ Ban Lộ Mã, hãy đợi ngày

Các bạn đón coi

AN TU

của Nguyễn Huy Tường

Đề thưởng thức một a g van chương tủy phần, một bản ca muốn tiếng miêu tả đời sống của chiến sĩ, những nỗ lực, hi sinh của dân tộc, những cảnh chế tạo trường khố liệt, và cả một mối tình muốn thuở đã trôi lờ lờ van phung phủ và uyên chuyển của tác giả mà hện lên, sang ngời, trên dòng tro tàn quá khứ

giờ sửa sang lễ chỉnh biên chép hết cả, để bỏ cứu vào hồ tiền sử chưa đủ, lưu lại cái giấu xưa cho đời sau

« Tuy là làm quyền bên chép đề các bậc đại-gia cho cười, nhưng cũng không dám từ nan . »

Giờ về trên, tôi đã nói nhờ ông Lê quý Đôn, về ca-n làm việc của ông thế nào, chả các ngài có dịp đọc *Đại Việt Thông Sử* sẽ kiểm lại tôi. Lẽ xin dân cử trích đi mấy câu phê-bình cả. Ông Phan Huy Chú (3) tác giả *Lịch triều hiến chương* đã nói về bộ sách của họ Lê : « Xét lối làm sử, không chép than chuyện không đủ rõ, những sự tích các đời vua bên Tàu sở dĩ được rõ rệt đến đời sau chính là do bộ *Nhị thập sử* chép không thiếu sót.

« Sử nước Việt ta chỉ dùng lối biên niên, công việc các triều chỉ chép đại lược, còn đến việc đầu đuôi thay đổi và gốc tích, được mất thì vắng hẳn, đến chương cũng không biết đầu má khảo, những người bác cổ há chẳng buồn mà muốn bổ-cứu hay sao ?

« Bộ sử của Lê công (tức Lê quý Đôn) này thật là gồm đủ cả,

có thể làm bộ toàn sử một đời, nhưng từ Trung hưng về sau bên chép còn thiếu là những bậc làm sử bản trứ không thể không đề đợi đời sau, những người quân tử bá; vẫn nên bắt chước nối theo khiến cho các điều cổ trên một trăm năm, được hoàn toàn thành bộ sách, ấy là một việc lớn của nhà trước-tạm.

TIÊN ĐÀM

(1) Trích trong bài diễn thuyết tại hội quán Tri Thê Đạo Thái bị ở ngày 26 April 1944 sẽ in, thành tập.

(2) Chateaubriand, *Etudes historiques*.

(3) Phan Huy Chú tự là Lâm Khanh, hiệu Mĩ Phong là cháu Phan Huy Ôn, người làng Thu-hoạch, huyện Thiên-lạc, tỉnh Nghệ-an

Hộp thư

Ô. Ng. đ. B. - Vinh - Bài N.B.H.L.S. đã đăng ở nhiều báo không nên đăng lại vì chật chỗ Xin lỗi.

Tòa soạn

- Ô. Dương Đạn - Phú nhơn - Báo sáng đến 15-4-44 thì hết hạn.

Giá báo

1 năm	18\$00
6 tháng	9, 50
3 tháng	5, 00
Mỗi số	0, 40

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 31

Ứng-hòa NGUYỄN-VĂN-TỔ

XXIV. — Thái-Tập và Thái-Kinh. — Lý-Hỗ chạy về Vũ-châu (năm 860), thu nhất thổ-binh, để đánh quân Nam-chiến, lấy lại được phủ thành châu Giao, nhưng vua Đường vẫn bắt về tội thất thủ (bỏ mất thành, đồ-hộ), (dày làm Đam-châu ty-hộ. Lại truy tố về tội Lý-Hỗ giết Đỗ-thủ Chưng, bắt tội lưu đến châu Nhai Đại-Việt sử-ký toàn-thư, q. 5, tờ 10 a, chép là châu Phong), cho chức Phòng-ngự-sứ ở Diêm châu là Vương-Khoan sang thay làm « An-Nam kinh-lược-sứ »: việc ấy vào tháng 6 năm thứ 2 hiệu Hàm-thông (861).

Đến tháng 2 năm sau (862) quân Nam-chiếu lại vào xâm lấn châu Giao. Vương-Khoan sai sứ về Tàu cáo-cấp. Vua Đường cho chức nguyên Quán-sát-sứ Hồ-nam là Thái-Tập sang thay, lấy quân các đạo Hứa, Hoát, Từ, Biện, Kinh, Tương, Đàm và Ngạc, hơn ba vạn người, giao cho Thái-Tập đem đi chống-cự; bấy giờ binh-thế đã mạnh, các man đều kéo nhau đi (*Khâm-định Việt-sử*, q. 5, tờ 1 a).

Thế là Thái-Tập chưa phải đánh mà đã dẹp yên, nhưng vì Thái-Kinh (chép dưới đây) là người tham-bạo, ghen ghét nên mới xảy ra việc Nam-chiếu lấy phủ đồ-hộ đến ba bốn năm, mãi sau Cao-Biền mới dẹp nổi.

Nguyên lúc bấy giờ ở bên Tàu Thái-Kinh làm chức tả-thứ-tử, lĩnh tham-độc hay đối-dá. Nhưng thủ-tướng cho Kinh là có tài làm lại, tâu vua xin cho đi xử trí quận Lĩnh-nam. Nguyên trước quận Lĩnh-nam chia làm năm quản: châu Quảng, châu Quế, châu Ung, châu Dung và An-nam.

Mùa hạ tháng 5 năm 862, Thái-Kinh xin chia từ Quảng-châu làm Lĩnh-nam đông-đạo, Ung-châu làm Lĩnh-nam tây-đạo: Vua Đường y theo, cho Vi-Trụ làm đông-đạo Tiết-đô-sứ, Thái-Kinh làm tây-đạo Tiết-đô-sứ.

Đương hồi ấy Thái-Tập coi các đạo binh ở nước Nam, Thái-Kinh đem lòng ghen ghét, sợ Thái-Tập lập được công-trạng, mới tâu với vua Tàu rằng: « Man binh xa cách chỗ biên-cảnh không lo gì, kẻ vũ-phu kiêu-hãnh lập công, hề binh lính nhiều, thì lương ăn hao tổn; xin bãi quân đi thủ, cho đỡ phí tổn ». Vua Tàu y theo; nhưng Thái-Tập cho là không nên, xin để lại năm nghìn quân để phòng bị, nhiều lần dâng biểu, mà vua Tàu vẫn không trả lời. Thái-Tập phải dâng bài trần-tình đại-ý nói: Nam-chiếu dòm-dỏ đã lâu, thế tất lại đến.

Lúc bấy giờ quân lương đều thiếu, trí-lực đều khôn-cùng.

Thái-Tập lại làm tờ trạng kê mười cơ phải chết, đưa lên quan trung-thư. Nhưng bấy giờ thủ-tướng tin lời Thái-Kinh, không chịu xét lại.

Trong khi ấy Thái-Kinh làm việc quan ở châu Ung, chính-sự độc-ác thâm-khắc, trong cõi dền oán, bị quân-sĩ đuổi. Tháng 7 năm (862) vua Đường dày Thái-Kinh làm Nhai-châu-ty-hộ, Thái-Kinh không chịu đi, về đến Linh-lãng, vua Đường sắc bắt tự-tử, cho chức Quan-sát-sứ châu Quế là Trịnh-Ngu sang làm Tiết-đô châu Ung, (*Khâm-định Việt-sử*, tiền biên, q. 5, tờ 1b và 2a).

Tháng 10 năm (862), Nam-chiếu lại đem năm vạn quân ở các man vào cướp phủ thành châu Giao. Thái-Tập sai sứ cáo cấp, vua Đường sắc lấy

ĐÃ CÓ BÁN

NGUYỄN VĂN SIÊU

của NG NHƯ THIỆP và NG. VĂN ĐỀ (lựa của quân Thượng Phạm Quỳnh và quan Lễ bộ thượng thư Ung Bình Thúc gia Thị)

Người mà vua Tự Đức đã tự phụ trong câu:

« Văn như Siêu, Quát vô tiền Tần »

Giá 2 \$ 90

Còn một số ít

Truyện dị thường I Giá 4 \$ 50

Tìm nghĩa văn học — 2 \$ 20

Triết học Aristotle — 3 \$ 80

Ly Tao — 6 \$ 00

Nhà xuất bản TÂN VIỆT

29 — Lamblot — Hanoi

Một kiến giải về

VĂN-ĐỀ NHẤT THỐNG TIẾNG VIỆT

PHIÊN-HÚC

Báo *Thanh niên* đã bàn về văn đề này, tôi chỉ xem được mấy số sau từ số 7 trở đi; nhưng tôi đã thấy phần nhiều các nhà bàn đều đặt câu hỏi sai. Ông thời bàn bỏ hai dấu lấy một; ông thời bàn bỏ chữ này dùng chữ nọ. Như thế tôi đều cho là đặt câu hỏi sai; bởi vì tiếng Việt nguyên đã nhất thống sẵn rồi, chỉ trừ ra một vài trường hợp, tôi sẽ nói sau.

Tuy không được tường tận tiểu sử của ông Alexandre de Rhodes nhưng chỉ nghiệm kỹ chữ quốc-ngữ, tôi dám chắc là ông ta đã đi khắp từ nam ra bắc; không phải đi qua mà thôi, còn phải ở lại rồi xử một thời gian khá lâu cả thành thị, cả thôn quê, mới đặt được chữ quốc-ngữ hoàn-toàn như vậy, và có lẽ ông ta là người rành nhất tiếng Việt xưa nay. Ông ta đã hiểu rõ tiếng Việt nguyên đã thống nhất rồi, và cái chữ quốc-ngữ ông đặt ra là cái cơ-quan xác định sự thống nhất ấy. Còn những chỗ hiện nay mình thấy tùy xứ đọc viết khác nhau đều là vì sự sai sự quấy của người dùng.

Duy có phương diện này thời chưa nhất thống: Một vật mà mỗi xứ gọi mỗi tên, hay một tiếng mà tùy xứ nghĩa khác nhau. Thí dụ: một con cá mà Bắc gọi là cá chuối, Trung là cá tràu, Nam là cá lóc; một cái đồ mà từ Đèo-ngang trở ra gọi là ô, trở vào gọi là dù; tiếng bút và viết cũng vậy. Hoặc

một tiếng như *bận* mà phía Bắc nghĩa là *mắc việc*, phía Nam là *mặc áo quần* v. v.

Về sự đọc viết sai lầm, cứ bình tĩnh mà nói thời từ Bắc chí Nam xứ nào cũng có. Nay xin kê rõ ra. Ngoài Bắc lộn văn TR với CH, R với D hay GI S với X; xứ Nghệ-Anh lộn dấu NẶNG (.) với NGÃ (◌). Từ Đồng Hới trở vào Nam lộn chữ T với C cầm sau, hay có G không G. Thí dụ: *đắt* (già cao) với *đắc* (được) *lan* (hoa lan) với *lang* (khoai lang), *tiển* (lên) với *tiếng* (nói) v. v. . . từ Đèo-ngang đến Huế, lại lộn chữ NH với GI, từ Nha Trang vào Lục-lĩnh lộn chữ V với GI. Những thí-dụ trên là những sự sai đều trong một xứ khá lớn, còn có một lời miên mễ hoặc hai ba làng nói sai một văn, thời không kể. Thí dụ: như ở Bắc có mền nói tiếng L như N = *lương*, *lựa* = *nương*, *nua*.

Ở trên tôi chỉ kể những sự sai mà tôi đã quan-sát được, chắc còn nhiều xứ có chỗ sai khác mà tác-giả không biết.

Nói tóm lại xứ nào cũng có sai; nhưng mỗi xứ sai mỗi chỗ khác nhau. Nếu bây giờ mỗi xứ biết sửa chỗ mình sai, thời tự-nhiên tiếng Việt thống-nhất ngay; không cầu và cũng không thể bớt* hay thêm vào nào, hoặc dấu nào cả.

Ông Đỗ-Q. yêu (tôi không được xem cả nguyên bài của ông. Nhưng tôi tưởng chỉ xem lời nhắc

của ông Nhứt-văn trong số 8 *Thanh-niên* cũng đủ) khuyên bỏ một trong hai dấu ngã hỏi; tôi cho là rất vô-lý. Nếu như người Bắc khuyên bớt ba chữ trong sáu chữ họ đọc sai. Người Nghệ khuyên bỏ một dấu trong hai dấu nặng ngã; hay là người Nam khuyên bỏ một chữ trong hai chữ T C, thời có được không? Như thế có khác gì một cậu học trò môn gì cũng giỏi, cuối tự ra môn toán thời mù mịt, anh ta muốn sở Học-chánh bỏ môn ấy đừng dạy trong các trường nữa, thời có được không?

Tôi xem bài ông Nhứt-Văn trong số 9 *Thanh-niên* bàn về mấy chữ (*đắt, mặc, bán*) tôi hơi buồn cười mà nó đưa lại cho tôi cái quan-niệm hay tệ ra một việc: đối với Bắc bất cứ người nào, rất dễ dàng như phân-biệt chữ ĐẮT và ĐẮC lại là rất khó cho một người Nam; bởi vì ông Nhứt-Văn đã là người học-thức lại có lưu tâm về Việt-ngữ và trước khi ông đăng lên báo, chắc ông cũng đã xét kỹ-lưỡng rồi mà còn lầm.

Chỉ có bài ông Dân-Việt đăng trong số 13 *Thanh-niên* là đúng hết cả mọi phương-diện.

Ở trên tôi nói dám chắc ông Alexandre đã đi khắp thôn quê Việt-nam vì tôi có quan-sát được điều-kiện nho-nhỏ này: văn GI và D người viết bất kỳ ở xứ nào nói cho đúng phải lưu ý, phải dụng công một tí mới được; mà còn

lầm nữa là khác. Chỉ có riêng Nghệ Tĩnh, nhất là thôn quê họ nói phân biệt rất là tự nhiên, họ nói hai vần ấy khác nhau hẳn như vần Đ với T chẳng hạn; không có thể lầm lẫn. Khi họ nói họ đề lưỡi dính với phía sau răng hàm trên, thời tiếng Đ bật ra rõ rệt hết sức. Như tờ đây khi nỏ sinh trưởng trong thôn quê cũng nói đúng như vậy; lâu giờ vì di rộng ra, vì xã giao thành bỏ mất tiếng đúng, dùng tiếng sai bởi vì nói đúng như thế nghe hơi chướng, hơi quê, thành hiện giờ tờ viết chữ GI và Đ cũng có khi lầm. Xem tờ mới biết ông Alexandre giỏi tiếng Việt; bởi vì kể các miền khác, thời tiếng GI và Đ không khác nhau bao nhiêu. Chỉ có riêng miền Nghệ Tĩnh là khác hẳn.

Theo ý tác-giả thời nếu như bây giờ mình muốn bỏ bớt một vần quốc-ngữ, có lẽ có thể bỏ một vần trong hai vần GI và Đ; vì nó không khác nhau bao nhiêu. Nhưng tôi tưởng cũng không nên bỏ, làm mất một bản-năng của tiếng mình. Mình nên làm thế nào cho một ngày kia mọi người Việt phải nói tiếng Đ cho đúng như người Nghệ, Tĩnh nói.

Bài này không cốt ý để so sánh xứ nào sai ít hay nhiều, nặng hay nhẹ; nhưng nhân dịp mình cũng nên bàn luôn thể. Xứ Bắc hình như sai nhiều, nhưng nghiệm kỹ mình thấy ít hiểu lầm: vì mấy chữ ấy đứng trước, cũng như chữ NH và V mà đương, trong sai, cũng ít hiểu lầm. Ở nghệ, Tĩnh chỉ lộn « nặng » với « ngã », sự lầm không can-bê mấy. Chỉ có lộn chữ T với C, có G không G là

hay hiểu lầm nhất; xin độc-giả cứ nghiệm sự lầm của ông Nhứt-Văn chữ *đắt* với *đắc* thời đủ rõ.

Lời phán đoán này chỉ lấy bình tình dựng lên, chứ không có ý so sánh hơn kém theo óc địa-phương, xin độc-giả lượng cho.

Dầu sai ít sai nhiều mặc lòng, đã có sai, thời ai nấy cũng phải cải chính cả. Nay xin xét những phương pháp thực hành về việc này.

Muốn viết cho đúng, trước hết phải nói cho đúng. Cái nguyên nhân nói sai là tập quán và xã giao. Một người Bắc lúc mới tập nói, bỏ hẳn vần TR. R.S đọc hết cả như CH, GI, X. Một người Nghệ, Tĩnh bỏ những tiếng đầu ngã đọc như đầu nặng; một người Đèo-ngang trở vào Nam bỏ những vần *đi, an, iên*, đọc như *ắc, ang, iêng*, v.v..., Theo luật xã-giao phải nói sai, nói ngọng, nói dớt như vậy mới là lịch-sự, còn nói cho đúng, họ cho là quê; và họ cũng đã quen tự lúc nhỏ rồi.

Bây giờ muốn mọi người tập nói và viết cho đúng, trước hết phải có pho tự-diễn công-thức. Sự này tôi cho rất dễ, chỉ có một hội đồng có đủ cả người từ Nam chí Bắc, thời giải-quết được ngay, bởi vì như trên đã nói, một tiếng rất khó phân biệt cho người Nam lại rất dễ phân biệt cho người Bắc, và trái lại cũng vậy.

Vả chẳng, tôi xem những tự-diễn hiện nay đã xuất-bản, phần nhiều viết đã đúng cả, bởi vì các nhà làm sách ấy, trước khi

viết vào họ đã khảo cứu kỹ càng, còn báo chí, sách vở thời tôi thấy còn vô-khối chỗ viết lầm.

Vấn-đề tự-diễn giải-quyết rồi, mình phải cải chính chỗ nhà trường trước, rồi sau mới lan ra ngoài đảng.

Lớp cần thi hành trước là lớp Sư-phạm. Trong lớp này phải liệt môn đọc và viết quốc-ngữ vào hạng rất quan-trọng và lúc thi ra phải chấm hai môn này cho nghiêm-khắc. Như thế các thầy ra dạy đã là người rành rồi quốc-ngữ rồi; thời, trong các lớp tiểu học phải dạy cần-thận môn ấy; cũng liệt vào môn rất quan-trọng. Đến khi thi Yếu-lược, thi tiểu-học, cũng phải chấm cho nghiêm-khắc. Hễ câu nào đọc viết sai, nhất định đánh hỏng đầu các môn khác có giỏi mặc kệ. Có làm như thế, các câu trẻ mới chịu lưu ý và nhất là phụ-huynh họ mới dạy cho con phải nói cho đúng, họ không để cho nó tự-do nói dớt, cho được lịch-sự, cho hợp xã-giao; bởi vì như thế có hại cho đường công danh chúng nó. Sự tập luyện ở gia-đình rất quan hệ, vì rất dễ dàng và thành hiệu rất xác định.

Phương-diện này cũng giống như hiện nay Chánh-phủ bắt thi môn thể thao, trước khi bỏ vào công chức. Trước kia ai cũng biết thể thao có ích, nhưng còn biết bao nhiêu cậu học trò, và nhất là phụ-huynh, họ có thiết gì môn ấy đâu, họ chỉ lo cặm-cui học chữ nay họ phải lo tập thể-thao, vì thiếu môn ấy không được bỏ vào các công sở.

(Xem tiếp trang 16)

BIA VĂN MIÊU

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 82

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

Bài ký đề tên các ông tiến-sĩ khoa nhâm-tuất, hiệu Cảnh-thống thứ 5 (1502) dịch ra như sau này :

Đặt khoa thi tiến-sĩ, là phép sẵn đề lấy người hiền-tài; dựng bia đề tên là để khuyến-kích lòng người. Các đời trước lấy hai điều đó để nêu rết nhân-văn Thánh-tiểu-ta lấy hai điều đó để cho trị-hiệu được tốt thêm. Bởi vì đã đủ trong sáu Kinh, không những chỉ chép truyện hay để làm mỹ-quan mà thôi.

« Năm nay là năm nhâm-tuất, Liệu Cảnh-thống thứ 5; mùa xuân, bộ Lễ noi theo phép cũ, cho tất cả cử-nhân trong thiên hạ đến thi, có tới năm nghìn người. Bốn kỳ hợp cách được 61 người, đưa tên vào thi đình, Hoàng-thượng thân ra đầu bài, thi ở điện-dinh. Sai quan Đặc tiến Phụ-quốc, thượng-tướng-quân, nam-quân Đô-đốc-phủ Tả-dò đốc. Phụ-mã dò-uy, Lâm-hoài bá, trụ quốc là Lê đạt-Chiều; Hộ-bộ thượng-thư là Vũ-Hữu, Binh-bộ Tả-thị-lang là Dương-trực-Nguyên. Nạp-sử-dài thêm-dò-nạp-sử là Bùi-xương Trạch, chia ra mỗi người coi một việc. Lễ-bộ thượng-thư Tả-xuân-Phường Tả dụ dức, Kiêm Đông-các đại-học sĩ là Đàm-văn-Lễ, Lễ-bộ Thượng-thư Kiêm Hàn-lâm viện thị-dộc coi việc viện Hàn-lâm là Nguyễn-

Bảo, Lễ bộ tả-thị-lang, kiêm Đông-các học-sĩ là Lê-ngạn Tả, Quốc-tử-giám tế-tửu là Hà-công Trình, Tư nghiệp là Hoàng-Bồi; Thái-thường-tự-khanh là Nghiêm-Lâm, tiến đọc quyền-thi.

« Hoàng-thượng xem xét phân biệt, cho lũ ông Lê-ích-Mộc ba người đỗ tiến sĩ cập đệ (tức trạng nguyên, bảng-nhữn, thám-hoa), lũ ông Nguyễn-cảnh-Diễn 24 người đỗ tiến-sĩ xuất thân, lũ ông Phạm-khiêm-Bính 34 người đỗ đồng tiến-sĩ xuất thân.

« Ty-thiên-giám chọn ngày tốt, thánh-thượng Hoàng-đế ngự điện Kinh thiên, sai truyền loa xướng tên đỗ, trăm quan triều phục lạy mừng.

« Mấy năm trước bằng vàng treo ở ngoài cửa đông-hoa, đến

dây sai quan bộ Lễ bưng ra, có trống và nhã-nhạc rước đi, treo và yết rõ ở cửa nhà Thái-học. Sở dĩ làm như thế để tỏ là nhiều học-trò giỏi mà kích lệ cho người sau. Ân vinh lần lượt, bắt thấy theo phép cũ, quan bộ công theo lệ, khắc đá đề tên, để lưu truyền lâu dài. Sắc những bầy-tôi văn-học làm bi-kỷ.

« Thần là Đàm-văn-Lễ, làm dự chức cận thần, việc phải soạn bài, không dám chối-lừ vì cố-lận nên dâng lời rằng :

« Thần trộm nghĩ về đời Thành-chủ, mới có kỳ thi tiến-sĩ, xuống đến Đường, Tống, khoa ấy thịnh-lành, nhân-tài lũ-lượt kéo ra, công việc trị bình rõ-rệt, rõ-ràng đủ cả ở trong sách. Các bậc vua đời trước ta, dựng nhà học, chuộng học-trò, đặt khoa thi, lấy kẻ sĩ, mở đường thái bình ức muồn năm, nghĩ để sửa sang thể đạo, giúp dập hoàng-dô,

làm cho vua được như Nghiêu, Thuấn, làm cho dân được như

Đang in

Làm bếp giỏi

của Bà VĂN-ĐẠI

- Có ngót một nghìn món ăn khác nhau và nhiều thực đơn thay đổi
- Được đặc quyền in bằng giấy tây.

Sách in có hạn. Ai mua gửi tiền trước.

Giá sách 6\$50 — Cước 1\$20

Vì tình thể hiện thời, ông Đinh văn Tuệ không ở Hanoi Thư và mandat nào gửi rồi thì thôi. Còn từ sau bạn nào mua sách, cứ gửi thư cho :

Bà ĐÀO-THI-MINH

118 Phố Duvillier — Hanoi

đàn đời Nghiêu Thuấn, chẳng phải ở chỗ khoa-mục được người dạy ư?

« Đức thánh-thượng Hoàng-đế ta, theo chính truyền của hai đời đế, nối nghiệp lớn của hôn đời vua, sẵn lòng hỏi đạo, nghiêng mình nhớ người hiền, phạm những chính yếu của đế vương đời trước và bản-triều, cái phương pháp kén chọn hiền-tài, mở rộng sửa sang, cách phòng ngừa xử trí kín đáo, không việc gì là không chính-dáng, cho nên nhân-tài được thành, so trước là hơn. Người học trò như cá nước gặp thời, gió mây gặp bước: kẻ lên chức, thi-lang, tham-tụng, người giữ chức cấp-sự gián-dài, người sung chức cận-thần, người ra làm thú-mục, vẫn là phải dốc lòng trung tiết để độn-dốc chí-bạnh, ý-khi cùng mong, sự-nghiệp cùng sáng, mong mỗi

như Quý, Cao, Chu, Thiệu, so sánh như Hàn, Lục, Âu, Tô, dễ tiếng khen đời bấy giờ, truyền công nghiệp về sau, trên không phụ cái thịnh-ý của triều-

đình cất đặt, dưới không phụ cái chí hoài bão bình-sinh, thì phiến đá này khác ra, càng lâu càng sáng sửa. Nếu mà sau trước so le, ngọc đá lẫn-lộn,

việc làm trái với sức học, thì người xem sẽ chỏ vào tể, mà chằm vào đá, nghìn năm về sau, phiến đá này, có vết, thì có mài được không? Vậy thì

lời khen như mủ ba còn, lời chê như búa rìu, danh-giáo nghiêm-trang, sĩ-quân-tử há lại không tự trọng ư?

« Lễ bộ thượng-thư, gia-hạnh đại-phu, Tả-xuân-phường, Tả-dự-dực, kiêm đồng-các đại-học sĩ, Khuông-mỹ-doãn, Đàm văn Lễ phụng sắc soạn.

« Dựng ngày mùng 10 tháng 11, năm Cảnh-thống thứ 5 (1502).

« Quang lượng đại-phu, Trung-thư giám-diễn-thư, chính-trị-khanh, Phạm-Định (?) phụng sắc viết.

« Thông chương đại-phu kim-quang-môn đãi-chiếu Tư-chính-khanh Nguyễn Toàn (?) phụng sắc viết chữ triện.

« Dựng lại ngày 15 tháng 9 năm Đại-chính (nhà Mạc) thứ 7 (1536). »

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

ĐẢO LAN-NHA

Một dãy tường cao mây diềm gấm
Bốn mùa hồ hện giả cùng mưa
Chùm sương thánng nện cây cưa gốc
Búa nguyệt năm mài đá vẫn tro
Bến vắng ầm ầm nghe nước lã
Thuyền xa dòng vọng tiếng dò mơ
Say sưa mê cảnh trời non, nước
Am quanh, tịch đơn nặng túi thơ
Bà VĂN-ĐÀI



Không than khóc

Rủi-ro gặp sự bất bình?
Đầy vơi giọt nước mắt mình làm chi!
Sầu đeo nào có hay gì,
Phải như sắt đá ấy thì mới hay.
Ay ai, ta nhận câu này:
Hễ lâm-ly quá có ngày nguy-nan!

Không nghèo

Kể ngay cửa sổ trông ra:
Mưa xuân tơ liễu thướt-tha giọt sầu
Như trăm ngàn chuỗi ngọc châu:
Ay tiền-bạc đầy, ta đâu có nghèo.
MẠNH-HOÀNG

hoặc khúc-học như Công-lôn, hoặc đối tiết như Nguyễn-Châu, hoặc hiem-độc như Đinh-Vị, hoặc tả-khúc như An-Thạch, mắt thấy không kịp tai nghe,

Nhật thống tiếng Việt (Tiếp theo trang 13)

Nếu mình làm riết như vậy trong một thời-gian độ mười năm, tôi dám chắc hết cả thanh niên Việt-nam đã đi học đều nói và viết đúng cả. Lớp ấy đã vậy thì các lớp khác trong xã-hội sẽ thêm-nhiệm dần trong một thời-gian không lâu. Ngoài nhà trường, các báo chí cũng nên kêu gào cho mọi người hay rằng viết và nói cho đúng là rất quan-hệ cho Việt-ngữ; nên khuyên các nhà viết văn, các nhà diễn thuyết hãy gặp chữ mà mình chưa chắc, phải khảo cứu hỏi han trước khi đưa ra dùng. Phải làm thế nào cho người mình có cái quan-niệm nói đúng là lịch-sự, nói dốt, nói sai là què-mù mới được.

Về phương-diện cải-chánh này, sự cải-cách quốc-ngữ cũng có thể giúp ích được một vài phần, tôi sẽ nói dưới đây.

Còn những trường hợp mà tiếng Việt chưa nhất-thống, như một vật 2, 3 tên, một tiếng hai ba nghĩa, thì theo ý tôi, mình không có thể và cũng không nên bỏ tiếng nào cả. Tùy xứ nào dùng quen tiếng nào thì dùng tiếng ấy; Nhưng trong đó mình chọn ra một tiếng làm công-thức; còn những tiếng kia, mình vẫn để trong tự-diễn thích rõ là dùng ở xứ nọ xứ kia. Đại để như ba thí dụ trên, tôi xin chọn tiếng cá lóc vì nó biểu-diễn một đặc-tính của vật ấy, dễ nghe ra hay hơn, cái bút, cho khỏi lộn với động từ viết.

Vấn đề cải cách quốc-ngữ.



Chữ quốc-ngữ là cái lợi khí rất quý hóa cho hiện tại và tương-lai Việt-nam. một mẫu tự hết sức là tiện lợi,... nhưng nó có vài điều bất tiện rất cần cải cách:

1 — Nó không tuyên hợp với chữ in, và bàn máy chữ phổ-thông thế-giới.

2 — Không dùng vào chữ giấy-thép dặng;

3 — Nó nhiều dấu quá, thành rườm rà không được đẹp;

4 — Vì dấu không nhập vào thân chữ, thành viết hay quên, hoặc lười bỏ đi;

5 — Nhiều dấu thành chữ không có thần nhất định, thành khi xem không hiểu mau được như chữ pháp chữ tàu. Dấu người đọc quen đến đâu, khi đọc cũng phải dụng công về hai phương diện. một là hiểu nghĩa, hai là phân biệt chữ. Còn chữ pháp chữ tàu thì liếc mắt qua là hiểu ngay, bởi vì nó nhất-định. Thí dụ như chữ *Homme* thấy là hiểu ngay, không thể lộn với chữ khác. Còn chữ *người* của mình vẫn phải nghiêm một tí, vì nó có thể lộn với năm chữ khác là *ngươi*, *ngươi*, *ngươi*, *ngươi*, *ngươi*. Bây giờ mình thay dấu huyền bằng chữ J chẳng hạn, chữ *người* sẽ viết là *ngươij*.

Dùng lâu nó có cái thần gần như chữ *homme* vậy. Bởi vì trong 6 vần, chỉ có chữ *ngươi* là nặng dùng hơn hết. Tuy là cách này cũng không hóa hẳn chữ quốc-ngữ thành ra như chữ pháp chữ tàu; nhưng cũng giúp được về một phần định thần chữ.

Vậy muốn tránh những sự bất tiện kể trên, mình phải thay hết cả dấu bằng những chữ đứng sau và đổi những chữ Đ, ƯƠ, không có trong chữ in quốc-tế. Việc này đã có ông Nguyễn văn-Vĩnh và người khác trước ông đã giải-quyết rồi. nay chỉ chọn lấy quy-tắc nào tiện hơn để dùng là được.

Theo tiền kiến, vấn đề này rất cần thiết và quan hệ cho nước mình.

Sự cải cách này có thể giúp một vài phần nhất-thống tiếng viết; làm một cái dấu thời giờ ít khác nhau; còn viết một chữ vào, mặt chữ sẽ khác hơn nhiều; mình phải lưu ý và dễ nhớ hơn dễ, phân biệt các dấu.

PHIÊN-PHÚC
(Phan rang)

Các bạn đọc chú ý

Trong tháng Juin, tòa soạn Tri Tân định cho ra một tập đặc san về:

TỤC NGỮ và CA-DAO

Theo lời yêu cầu của nhiều văn hữu ở ba kỳ muốn cùng chúng tôi góp vui trong các đặc san, nên chúng tôi xin báo trước để các bạn rõ.

Tòa soạn

Bản sách dẫn về Dai-Nam Liệt truyện

Số 17

Thơ-Xuân LE-VĂN-PHÚC

TÊN HO	TỰ, HIỆU	QUÊ - QUÁN	Tập (1)	Quyển	Trang	NÓC HỒ
M						
MẠN-HOÈ (Mannel)		người Pháp	S	28	8b	
MÂN 斌 Trần		Nghệ an, Quỳnh-lưu	N	41	19a	cũng đọc « Bân »
MÂN 敏 Nguyễn-văn		Gia định	S	8	29b	
MÂN » Võ-dức		Hà tĩnh, Nghi xuân	N	26	19b	
MẬU 懋 Nguyễn-trung	hiệu Đạm-hiền	Nghệ-an, Đồng thành	N	18	17a	
MẬU » Trần		Hà tĩnh, Thạch bà	N	32	15b	
MỸ 美 Hân-thế	hiệu Phục-dinh	Hải nội	N	26	18b	trước tên là « Thanh »
MỸ » Lê-phước		Thanh hóa, Quỳnh-huệ	S	18	8b	
MỸ » Ngô-xuân		Bắc ninh, Siêu loạt	N	41	12b	
MỸ » Nguyễn-văn		Gia định, Bình dương	S	9	10a	nay là vùng Sài Gòn
MỸ » Tô-thế		Bình định	N	12	17a	
MỸ » Trần-văn		Thanh hóa, Đồng sơn	N	41	7b	
MỸ » Võ		Hải	S	6	16b	cháu nội Võ-Tánh
MIỄN-DIỆP-QUỐC			S	33	1a	
MINH 明 Nguyễn-công		Gia định, Bình dương	S	17	5a	nay là vùng Sài Gòn
MINH » Nguyễn-khoa		Thừa thiên, Hương trã	N	14	5b	
MINH » Nguyễn-lãng		Thừa thiên, Phong điền	N	18	1b	
MINH » Nguyễn-văn		Không biết	S	8	31b	từ trên tại Ba thảo (Sóc trang)
MINH » Tống-phước		Gia định, Bình dương	N	40	8b	nay là vùng Sài Gòn
MINH » Tống-văn		Gia định, Bình dương	T	4	26a	
MINH 銘 Trương-văn		Gia định	S	15	12a	
MU 謀 Nguyễn-bảo	nhứt danh Tên	Gia định, Bình dương	S	10	2b	con Nguyễn-bảo-Trí
-22-						
N						
NAM-CHƯƠNG-QUỐC			S	33	8a	
NĂNG 能 Trần-văn		Khánh hòa, Vĩnh xương	N	14	1a	
NIỆM 念 Lê-văn		Bình định, Phú c't	S	25	12b	
NINH 寧 Nguyễn-hàm	tự Thuận-chi	Quảng bình, Bình chánh	N	31	10b	
NÙNG 靈 Tôn thất		Hải	S	4	14a	Lại âm « Nồng »
NỮ 濃 Võ-xuân	tự Du-trưởng	Quảng bình, Lệ thủy	T	5	28a	
NÙNG 女 Lê-thị		Quảng bình, Phong lộc	N	44	9b	
NƯƠNG 娘 Nguyễn-thị		Hà tiên	N	44	2a	
-8-						
NG						
NGA 俄 Nguyễn-công		Biên hòa, Phước chánh	S	17	11b	nay là vùng châu thành
NGHI 儀 Đỗ-hữu		Quảng nam, Diên-phước	T	4	27a	[và Tân uyên]
NGHI » Nguyễn	nhứt danh Chánh	Bình định, Tuy-phước	S	10	1b	
NGHI » Nguyễn bá	tự Sư-phần	Quảng nghĩa, Mộ đức	N	27	12b	
NGHI » Phạm-hữu	tự Trọng-vũ, hiệu Đạm-trại	Quảng nam, Diên-phước	N	25	13a	

1) T: Tiên-biên, S: Sơ-tập, N: Nhị-tập.

Khái-luận và phê-bình thi-ca cũ (VI)

Quảng hát Việt-nam

II

của HOÀNG-THIỆU-SƠN

Thị Bích — Nay Võ-Tinh dâng
tờ mặt biển, giao cho tôi thủ
lộ vì hành. Số biểu đã rành
rành; binh cơ tua chong chóng.

Nguyễn chúa — Mày là con cái
nhà ai?

Thị Bích — Cha tôi làm chức
Tổng-binh.

Tôi phải hết lòng giúp nước

Thiết tưởng cái cao-siêu cái
mạnh mẽ của những lời đối đáp
trong bi-kịch Corneille mà người
ta hằng tán-lộng cũng chỉ mạnh
mẽ đến như câu trả lời vẫn tắt
này mà thôi.

Ở trên tôi đã ví tướng há! Việt
nam với tướng hát Hy-lạp.

Cũng như sân khấu Hy-lạp, sân
khấu Việt-nam là nơi hòa hợp đẹp
đẽ của cái hùng tráng và cái bi
thiết.

Những lời văn của chư tướng
hay của tam quân đều được một
mối sầu to lớn. Cái sầu Trương-
Phi ngâm thơ cảm-khái trên ngọn
cỏ-thành thật là mệnh-mông bất
ngặt:

Lạc-lạc cổ lung chỉ tự bi
Hàn châm tiêu sắt cỏ thành tri
Hốt văn Hồ mã lệ phong cấp,
Không sử anh hùng lệ mãn y. (6)

Những lời đồng loạn, trái lại,
hàng bài hăm dọa càng kém lời
tuyên-thệ của ba anh em Horace
(7).

Trên đã đem lòng phò thác,
dưới xin hết sức tri khu.

Tảo thiên quân chẳng kém
bút Tông Chu, tàng số vạn sợ
gi binh Võ-Tinh.

Quyết vậy chặt ở thành Bình
định, còn lối nào ra dặng Thần
kinh ». (5)

Nhất là những lúc sắp hạ măn,
những lời đồng-loạn mạnh-mẽ
kéo dài trong trí khán giả và độc-
giả một cảm giác hùng kiện khác
thường.

Sự hòa hợp tuyệt diệu của cái
bi và cái tráng đã làm cho tướng
hát Việt-nam có mãnh-lực cảm
đổ vô song.

Hai tướng hăm dọa lẫn mình
giúp nước trước lời thề hăng-hái
vẫn không quên ngọn trăng le-lói
trên bức tường thành của chốn
Ngọc-kinh mà họ sắp từ-giã để đi
theo tiếng gọi của chiến trường.

Nhất tâm vì quốc thế quyền
sinh.

Vạn lý phòng vân tráng thử
hành!

Hồi thủ Hương Bình đã cựa
sắc,

Y y minh nguyệt chiếu cỏ
thành (5).

Khi chủ-sứ hạ lệnh « cùng
chư tướng đại giá thân chinh »
chư tướng đồng nguyện một lòng
phù tá, vẫn không quên những
chông-gai của « gian-nan nghiệp »
đang đợi chờ chủ-sứ.

Vạn lý binh xa cấp khởi hành
Thử lại chỉ vị cứu có thành.
Nha thần cộng lễ gian nan
nghiệp

Vạn thanh cao sát Nghi-binh.

Không còn gì cảm-động bằng
một con nhà tướng mà lại là thi
sĩ đa tình. Chàng Curiace nhân
đạo bao giờ cũng làm ta mến phục
hơn chàng Horace vũ phu.

Tướng hát eòn lại và hay hơn
cả có lẽ là tướng « *Tượng-kỳ khí
xa* » của Hoàng-cao-Khai. Nhất là
hồi thứ II, cảnh thứ V tả cái chốt
bi-tráng của Võ-Tánh, Ngô-tòng-
Chu và Nguyễn-tấn-Huyền trong
thành Bình-định.

Đoạn này, đã có cái bi-thiết của
Euripide, cái hùng tráng của Es-
chyle, cái hoàn toàn của Sophocle.
Cái bi-tráng của đoạn văn này đã
lên đến cực-diêm, vẻ đẹp của nó
không cần phải tán dương. Tôi xin
trích nguyên văn để độc-giả tự
thưởng thức lấy:

Võ-Fánh viết:

(Nếu như vậy.) Nay nhất đản
sự cơ tương bách, e tam quân
tính-mạng nan toàn, mình là
an giấc suốt vàng, cho quân-
sĩ thoát vòng mũi bạc.

Hữu viết:

(Ở quan Phó-sái, tôi nói thết
cùng người, như tôi bây giờ): lâu

lâm góc đánh chôn lửa đỏ, cửa chín lần gõ giải lòng đan.

Tôi nghĩ rằng quân giặc: nó có giết thì nó chỉ giết một mlah tôi mà thôi, bởi vậy cho nên):

Người, vớ quan, lo lấy tự loạn, tôi, võ-tướng đã cam chịu thác.

Ngô tông-Chu viết:

(Đa như quan nguyên-soái dạy làm vậy, nhưng rứa mà tôi nghĩ rằng vớ cũng là tôi triều đình, cả, mà tôi nay:

Người đã không úy tử, tôi cũng quyết quyền-sinh. Do lai vớ-võ lưỡng đồ, đồng thị tôn-thác nhất niệm.

Võ-Tánh viết:

Hảo trương-phu chỉ chỉ khí(a)

Ngô-tông-Chu viết:

Tôi xin lui (Chu vào)

Võ Tánh viết:

(Tông-binh Nguyễn-tấn-Thuyên (8) rứa ta cùng người, lâm cơn hoạn-nạn, khôn lẽ rằng hai ta cùng chết cả, một người mất thì phải một người còn, cũng bởi vậy):

Nước còn đương nhiều nạn, tôi âu dễ mấy người. Ta đã đánh hết đạo làm tôi, người cũng phải dành mình giúp chúa.

Nguyễn-tấn-Thuyên viết:

(Đã dám thừa quan Nguyên-soái, như người dạy làm vậy nhưng rứa mà còn thì ta còn với nhau, mất thì ta mất với nhau, nếu mà kẻ còn người mất như thế sao đành, mà):

Tôi hết lòng với chúa, tớ giả nghĩa cùng thầy. (như tôi bây giờ) Tử-sinh quyết ở phen này giúp giáp thiếu gì người khác.

(Tôi xin lui vào)

Võ-Tánh viết:

Hảo nam-tử chí hung khâm(a)
Hai người ta quyết kể, lâu
Bát giác sửa sang, củi khó
thuốc súng sẵn-sàng, ba ngày
sẽ lên đàn hỏa... (vào)

Ngô tông-Chu viết:

(Như ta nay) Thân quân gì
lâm cát, lòng đối với giang-san.
Dầu không tài được mã, khóa
an, chẳng kém kẻ thao chùy,
bình tiết, Chi này đánh đã
quyết, (quân) độc được khả
tượng lai.

(Quân mang thuốc độc: lại).

Ngâm:

(Xưa nay ai cũng nói vớ-thần
úy từ nay ta là vớ thần nào ta có
sợ chết đau mà:

Nầu thực gan già chẳng phải
non,

(Như ta chết làm vậy, cũng là
muốn trước trả nghĩa vua, sau là
dền ơn nước. Vậy cho nên:

Cứng như vàng đá, đỏ như son,

(Thuốc này là thuốc độc bẻ:

Thuốc này xin chớ cho là độc,

(Bởi ta có chết đi nữa cũng là
thơm danh về sau, thì uống vào
chẳng là ngon ru?

Danh tiết mùi thơm chắc của
ngon.

(Ngô tông Chu tạ thể)

Quân báo:

Đa, đa, quan Hiệp-trấn đã
nất rồi.

Võ Tánh (chạy ra viết)

(Nào ở đâu nào... quan Hiệp-trấn
đã mất thiệt rồi, nọ mả ri) Khóc
vì tình bầu-bạn, mừng vì nghĩa
vua tôi. Khen cho ai xem thác
như chơi, tiếc chẳng đợi ta ít
nữa.

Than:

(Hiền huynh ôi!) Ai là không
thác, đạo phải cho tròn. Thương

thay hiền hữu, lòng đỏ như son.
Vì nôi, vì giếng, vì nước, vì
non, dầu nghĩ đến nữa, bía
miệng không mồm.

Hạ:

Cám thương nghĩa cũ, mai
láng đã an, Cách hai ngày ta
sẽ dâng đàn, (quân) truyền chư-
tướng đồng lai hội diện.

(Chư-tướng, từ này, hiểu-thì,
khắp các quan binh, ta xin cáo
ơn các ông nghe).

Từ khi ta trấn thủ cô-thành,
nhờ tướng sĩ hết lòng trung-
phần; nay binh « bị thực » tận,
mà lực kiệt thể cùng.

(Ta nghe cô-ngữ có câu rứa):
« Thành tồn dĩ tử, thành
vong dĩ vong ».

« Như rứa mà, ta đã có chết
đi, không có để giặc nó thấy mặt
ta đàn, bởi vậy cho nên):

BẠN MUỐN CÓ ĐỦ ẢNH CÁC NHÀ VĂN DANH TIẾNG VIỆT-NAM

Như: Đào duy-Anh, Nguyễn-văn-
Tổ, Trần-trọng-Kim, Phạm-Q. Anh,
Nguyễn-văn-Vĩnh, Phan-trần-Chú,
Đào-trình-Nhất, Nguyễn-Tuân, Thế-
Lữ, Tú-mỡ, Trần-thanh-Mạc, Vũ-
hoàng-Chương, Vũ-trọng-Phụng,
Lư-trọng-Lý, Ngô-tất-Tổ, Nguyễn-
Hồng, Hàn-mạnh-Tử, Đông-Hồ,
Tạ-Son, Phan-Khôi, Quách-Tấn,
Huy-Cận, Xuân-Điệu, Đoàn-phú-Tú,
Trần-tuấn-khai, Hoàng-ngọc-
Phách, Tân-Đà, Tam-Lãng, Trọng-
Lãng v.v..

Tất cả 40 ảnh (Kích 9x12) in
trên giấy láng tốt bạn bạn muốn
có đủ, xin gửi mandat 8\$60 cho:
M. Yên-Son, Kiosque Thanh-Tao
& Vinh (ảnh sẽ gửi theo lối bao
đảm đến bạn cùng 1 lần với 2
quyển Nhà Văn Hiện đại của
Vũ-ngọc-Phan).

Thành này thế dữ câu vona.
giặc nọ bắt-dung kiến-diện.

(Tuồng-quân Nguyễn-văn-Thị
nghe ta dặn).

Gửi lấy-tướng phong thư
nhất-phiến, lu' mất rồi người
khá giao lai.

(Thôi thôi) Xin từ-giã mọi
người

(Nguyễn-Tấn-Huyền) • Hãy lên
lầu đồng tọa.

Chư-tướng đồng viết

Trông thấy lầu cao tám góc,
nhìn qua củi chất từ bề :
xương đồng, dạ sắt khôn bì,
dạ ngọc, gan vàng mấy kẻ.

Đồng văn :

Dạ ngọc gan vàng mấy kẻ,
Tám lòng này hậu-đế dan
thanh,

Có thần đôi với cô-thành

Dẫu nghìn năm nữa thò
danh vẫn còn.

Võ-Tánh viết :

Thiên niên thành-quách,
vạn-cổ thử giang-san, thương
thay trấm họ làm than, hậu-đế
một mình êm mát.

Văn :

Hậu-đế một mình êm mát,
Quyết phen này ngọc nát vàng
tan.

Mình này đôi với giang-san,
May ra miếu xã lại hoàn như
xưa.

Chư-tướng đồng viết :

Sự sinh chân thiên cổ, oanh-
liệt tử nhất trường, (như anh
em tôi bây giờ) xét mình những
luống hồ han, nhớ bạn càng
thêm thương tiếc.

Đồng-văn :

Nhớ bạn càng thêm thương-
tiếc,

Nghĩ sinh-lạ, tử-biệt mà đau,
Hai hàng giọt lệ tuông châu,
Trông ra nước thăm, non sâu
biết bao.

Nguyễn-Tấn-Huyền viết :

Trên hết ngay với chúa, dưới
tròn nghĩa cùng thầy : thủy
chung mong trả ơn dày, lý biệt
càng thương nghĩa cũ.

Văn :

Lý-biệt càng thương nghĩa cũ.
Tám lòng này biết thuở-nào
khuây ?

Âm-dương hai ngã chia tay.
Tồn vong du-cũng thảo ngay
một niềm.

Võ-Tánh

Nguyễn-văn-Biện truyền-phóng
hỏa.

(Biện rút rờ, bỏ chạy.)

Thôi xin các ông lui ra, đừng
khóc làm chi nữa :

Một lời xin từ-giã, các tướng
phải lui xa, tàn thuốc ném ra,
lúc thời phóng hỏa.

Võ-Tánh gây tàn thuốc xuống
hỏa-đàn lửa cháy

Chư-tướng đồng viết :

Chân thống-thiết, chân thống
thiết ! Tội ai-liên, tội ai-liên !
Linh khí dĩ quỷ thiên, ai thanh
hề chấn địa.

Thần :

Hai đóng tro tàn,

Lộn bề lửa đỏ !

Còn biết lấy ai nương dựa :

Đề mà giúp nghiệp gian-nan !
(Hoàng-cao Khải : Tượng kỳ khi
xa Lôi II, cảnh V)

Trước cảnh : « lầu cao tám góc
củi chất từ bề »... tiếng khóc
của chư-tướng chấn động non
nước và cô-thành nhưng ba kẻ
« tử-vi-đạo » chỉ « thương-dung
lưu-nghĩa » không trốn, không
kêu.

Ông cha ta có cái bí-quyết uống
độc -dược, lên hỏa-đàn, không
cười, không khóc, không buồn,
không vui, vẫn giữ khí bạo-nhiên
của đảng trượng-phu, vẫn giữ vẻ
êm-dềm như khi người ăn miếng
trầu, khi người hút thuốc lào
khi người uống chén nước trà. Về
bi-thiết của tấn kịch này vì thế đã
lên đến cực điểm.

(Hết)

HOÀNG-THIỆU-SƠN

(6) Cô-thành.

(7) Xem bức tranh « Le Serment
des Horace » của L. David.

(8) Theo Đại-nam-chính-biên
Liệt-truyện sơ tập Nguyễn-tấn-
Huyền là một ciên-dội hán-thất
phẩm, khi thấy Võ-Tánh tự thiêu
mình liền nhảy vào-đài hỏa cùng
chết với chủ-lương, trong Tượng-
kỳ khi xa, Hoàng-cao-Khải thay
vai-luống của Nguyễn-tấn-Huyền
đổi làm một viên tổng-binh cùng
Võ-Tánh mưu sự tử-tiết.

Đã có bán :

NHÀ BÊN KIA

của Đỗ-Đức-Thu giá 0\$65

Thần-thế và văn-chương

TÚ MỖ

do Lê-Thành viết giá 0\$60

EM LÀ GÁI BÊN

SONG CỬA

của Lưu-Trọng-Lưu giá 1\$50

VIỆT SỬ GIAI THOẠI

của Đào-Trịnh-Nhất giá 2\$00

Khảo-cứu và

TIẾNG VIỆT NAM

của Trà-Ngân giá 2\$50

BƯỚC ĐƯỜNG MỚI

của Dương-Ngà giá 3\$00

KIM TỰ THÁP

của Phan-Quang-Định giá 2\$

NỬA ĐÊM

của Nam-Cao giá 2\$00

Nhà xuất-bản Cộng-Lực

N° 9 - Rue Takou - Hanoi

« CHĂNG THÀ »

(Tiếp theo trang 7)

Nhân nói đến đây tôi xin lỗi độc-giả Tri tân đã làm phí mất mấy cột báo để bàn về những chữ mà độc-giả đã bỏ qua. Tuy là chữ dễ nghĩa không ai nhầm, nhưng tôi tưởng cũng nên trả lời cho đủ. Một là để cho tiếng ta khỏi mất phải cái nạn « nguyên bản lỗi », hai là để cho từ giờ trở đi may ra bản luận được thành - thực và có phương-pháp, ba là cho Thanh-niên đừng dăng nhặng bậy có thể làm mất giá trị tờ báo quốc-văn.

Có lẽ cả bài của Thanh-niên về câu này là nghe được: « Học thêm, thì bao giờ tôi cũng không dám xao-lãng. Nhưng mà, tiên-sinh quốc, không nhà: « tôi tu đức ». Tôi quên thật, này đã nhắc tôi, tôi sao lại câu này của tác-giả chỉ trích một « bạn » đồng-nghiep ở Sài-gòn, để tác-giả lấy tu học lấy « đức-độ ». Tác-giả viết ở Thanh-niên, số 25, ngày 19-2-1944, trang 7, cột 2 (mục: Thấy dân nói đó) một câu rằng « Vô », mà ông bạn tôi: P... dốt tiếng Việt đến thế !

Đây, thế mới biết hai câu tôi đã nêu trước (Tri-tân, số 136)

chăng ngoa ti nào. Hai câu ấy là cái chuyện mình thì quảng, và câu Thứ sớ lên gây. Còn vài câu nữa, gần ra không tiện, nhưng chắc độc-giả đã biết cả...

Ứng hơ NGUYỄN VĂN TỰ

(1) Chữ bõ-côi của ta thường cắt nghĩa là không cha mẹ, do chữ côi của Tàu; chữ bõ-côi ở câu này phải cắt nghĩa là không cả cha mẹ vợ con, do chữ côi - độc. Người ta thường chế người không con là vô-độc, cho nên câu này cũng vậy nghĩa là nghèo ăn mỳ, còn bực là giàu mà không con.

(2) Lần trước tôi đã nói rằng theo các nhà chuyên khảo về khoa ngôn-ngữ, tiếng nước nào cũng có lời chấp chữ như lời « chăng tha »; nhưng tiếng Âu - châu phần nhiều đã bỏ bớt chữ « chăng », (ne, u, v...) cho hợp lý, do vài nhà văn xưa lên trước, được cô-giàng hưởng-ứng, sau có người làm sách đại thành mợ.

Rồi có ngày tiếng ta cũng phải sửa lại như thế; hiện giờ đã có người viết câu « Cầm nhõ bậy », nhưng vẫn có người nói « Cầm không được, nhõ bậy »; tục ngữ cũng có câu, « Cầm giả lệnh giả thì, ai cầm người mạng bị tôi, khoác »,

Chữ « thà » và « chăng tha » thì hơi khó sửa, vì dân-giữ, hiện còn

nhieu, cần dùng cả hai chữ, thí dụ: « Thà nhìn đôi mắt đỏ, chăng tha ăn no đi miễn », nghĩa là thà dòi nằm co, còn hơn là ăn no mà phải đau làm, ý nói người lười; - lại câu « Thà đau ngất, chăng tha giải rã », nghĩa là thà chịu đau quá lắm, còn hơn là bị vật gì mắc, vào kẻ rã, v. v. Sách tục-ngữ đã sách lấy, dạy tiếng ta chép, nhiều lắm, sao cả-ra đây, có lẽ phải vài trang bở (ấy là không kể, những câu truyền khẩu, mà chưa có sách nào chép). Câu nào cũng đặt chữ « thà » ở trên, chữ « chăng tha » ở giữa; câu nào cũng dịch cả hai chữ là « đành thõ », còn hơn. Cả câu này cũng vậy, ví dụ: « Nói con không dạy không rã, chẳng tha nuôi lợn mà ăn lấy lòng ». Vì vậy, tôi mới chép là « Nói con chẳng dạy chẳng rã, Thà rằng nuôi lợn mà ăn lấy lòng », tuy là chép khác, nhưng cùng một nghĩa.

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

Hỏi quyền sách mới trong « Tủ sách xã-hội » Tân Việt
Đã có bán

CHÍNH-TRỊ-ĐẠI CƯƠNGcủa NGUYỄN PHƯƠNG NAM. Giá 3\$70⁰⁰

— phân tích rõ ràng các phương pháp tổ chức chính trị — giải thích và bình luận những vấn đề thiết yếu trong chính trị học hiện đại — trình bày giản dị những chính thể đã thực hiện và không đường đi của hiến pháp

Đang in: **CHỦ-CHIA TAM DÂN**

Ở Hà Nội sách chỉ bán tại

TÂN-VIỆT, 29, LAMBLÔT — HÀ NỘI

Sắp phát hành

VƯƠNG DƯƠNG MINH

của PHẠM VĂN LÂM

— Một quyển sách quý trong « Tủ sách triết học » Tân Việt — Một tác phẩm khảo về thân thế và học thuyết Vương Dương Minh mà ta đã chờ đợi từ lâu từ xưa đến nay không thể giới thiệu và quyền nào được rành mạch hơn.

Sách dày gần 600 trang, có 3 bức ảnh đồ và 10.000 chữ Hán — Bìa litho 5 màu. (Vì giấy khan nên chỉ in có 500 quyển)

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

CHẠY ĐUONG CHUONG VÔ

Số 25

Tiếng nói to quá làm Trần-Phi giật mình tỉnh giấc ngồi nhồm giầy, ngơ ngác nhìn, toan chạy Văn-Côi giờ kiểm chỉ:

— Ngồi im đấy! hễ chạy là bỏ mạng

Trần-Phi sợ xanh mặt run lật-bật, ngồi lúi nép, xuống cuối giường. Đoàn-Vân vẫn nhìn vua Chương-Vô thong thả nói:

— Vâng! cháu chịu tiếng già lắm, hèn nhất vậy, chỉ vì cháu muốn nói truyện riêng với bác, không muốn làm ồn-ào cho cả ba quân đều biết. Tuy vậy vẫn không già tâm, hèn nhất bằng kẻ đã mưu giết bạn, lại giả dối tuyên bố việc nạp mỹ-nhan chỉ là một kế vừa lòng bên địch, còn thì giam cầm mỹ-nhan riêng một nơi, thế mà thực ra đêm nào cũng la cà yến ẩm với mỹ-nhan như thế này!

Như con Lỗ bị tên, vua Chương-Vô hung-hăng đi lại bên phía giường, rồi đứng phắt ngay lại trước mặt Đoàn-Vân hỏi gắt:

— Vậy anh muốn làm gì ta?

Đoàn công-tử điềm-nhiên và lạnh lùng đáp:

— Tức là bác đã biết! Giời người tại phải đến mạng, lại còn giả dối lừa người nữa, thì tội nặng lắm. Nhưng đây báo thù cho cha, chấn vẫn còn nhớ đến bực bác!

Vậy cháu xin bác chọn lấy cách chết!

Chàng quay lại đưa mắt nhìn Văn-Côi, Nghĩa-sĩ liền đề lên bàn một tấm lụa và một lọ thuốc, đọc rồi nói:

— Tâu điện-hạ, xin điện-hạ gia ơn nhận những sinh lễ này, cho lữ tiều-tướng khỏi phải nài ép!

Vua Chương-Vô quát!

Kiểm! Phải cho ta kiểm!

Văn-Côi nói:

— Những bậc tráng-sĩ đã làm ô danh ngồn kiểm, tất không được dùng kiểm nữa.

Vua Chương-Vô giận dữ:

— Đồ xúc sinh! Đồ chó má! Vào lừa lúc người ta ngủ, lại không dám đề kiểm lên đây, vẫn sợ người ta! Hèn mặt!

Văn-Côi cười tiếp:

— Dạ! bẩm điện-hạ vâng ạ! Nhưng đề cho một người không đáng cần mà cầm kiểm, tức là phạm tội bất minh. Vả,

Nhưng Đoàn-Vân gạt đi ngắt lời:

— Thôi được! Bác đã muốn, ta cứ đề kiểm ra cho bác, ta muốn đề cho bác giữ được danh dự. Bác không muốn thế. Thì đây đủ cả tam ban triều điện.

Văn-Côi vâng lời, cầm cây kiểm đề lên bàn, Vua Chương-Vô cầm tới lấy mùa lúi lại giương toan phóng kiểm giết Trần-Phi nhưng Văn-Côi nhanh tay gạt được ngọn kiểm đỡ cho Trần-Phi và đẩy nàng ra ngoài đứng nép sau Đoàn công-tử. Ngai quăng kiểm xuống chân

công-tử, rồi lăn-học, tức giận đòi mắt đồ ngầu chùng-chùng nhìn khắp lượt ba người một lúc lâu. Im lặng, tất cả cũng đều im-lặng. Không một tiếng nói, không một tiếng động. Người đều như tượng gỗ cả. Chỉ con mắt là còn linh động. Nhìn mãi như trút hết sự bực rọc bản-hạc ra hết những người đứng đấy, vua Chương-Vô từ từ cởi áo ra, rồi nhanh-nhẹ, ngai cả rón đánh phập một cái, rút tưng cuộn tưng cuộn ruột ra rồi đến dạ dày, lá lách, đôi mắt vẫn ngầu-ngầu nhìn mọi người cho đến khi khụy xuống đầu nghiêng gục lên vai. Đoàn-Vân và Văn-Côi vội khiêng ngai đặt nằm lên trên giường rất ngay ngắn như người nằm ngủ vậy.

Xong công việc nghĩa-sĩ Văn-Côi ở lại trông coi binh-cung canh gác và giữ cả Trần-Phi lại, không cho lộ truyện, còn công-tử Đoàn-Vân tất tưởi đi ra, về lâu tìm công-tử Thận-Nguyên và công-tử Hòa-Đạo. Chàng đề công-tử Hòa-Đạo đứng cách ở ngoài cung, thân dẫn công-tử Thận-Nguyên đi sang điện «Hiền-Chính» tìm Kim-Vân công-chúa.

VI

Đêm khuya vắng vẻ, bốn bề im lặng như không, hai chàng vào đến trong chính-điện làm cho Kim-Vân công-chúa giật, ngạc tưởng là ma quỷ vào trên. Giây lát, nàng

tỉnh ngủ và định thần hồi có số không bằng lòng:

— Việc gì vậy?

Đoàn-Vân từ nhiên đáp

— Bác bảo sang tìm chị sang bàn một việc quan trọng.

— Sao lại sai cả anh?

Độ khoảng giờ Hợi, bác cho gọi chúng tôi sang nói chuyện. Đến bây giờ bác bảo đi tìm chị:

— Việc gì mà cần thế?

— Chúng tôi cũng không biết, bác bảo chờ chị sang rồi mới nói, vì bác hơi mệt.

Kim-Vân ăn mặc gọn gàng, rồi theo hai chàng đi sang cung. Giờ lạnh, đêm càng tĩnh-mịch. Kim-Vân đi gần sát hai chàng, và, khẽ nói:

— Làm sao em thấy rờn rợn là! Đây là có việc gì chẳng lành!

Tỉnh-Nguyên vội nói:

— Không chi cả, chị vừa ngủ gây ra lạnh nó thế đấy.

Kim-Vân nói, nho nhỏ:

Em sờ-sợ là ấy!

Vào đến cung, Kim-Vân vượt lên trước đi dạo qua hành lang thẳng vào chính-tâm, hai chàng phải chạy theo cho kịp. Đến nơi, đẩy cửa vào, thấy có Trần-Phi và một người lính đứng đây, nàng không để ý gì đến, đi thẳng vào giường. Nhìn thấy cảnh tượng thảm thương ấy, nàng đâm bỏ lên giường ôm chầm lấy cha mà khóc suốt một đêm thiết. Qua cơn rãn-động chưa xót ấy, nàng vùng đứng dậy, mắt nhắm lệ ngẩng đầu nhìn quanh quẩn. Nàng hiểu hết sự thế, hăm-hăm hỏi:

— Sao vậy?

Đoàn-Vân dề ra nhiên đáp:

— Bác tự sát!

Kim-Vân đứng ngay người lên, chống mạnh tay vào bụng, mặt đầy sát khí, hồng tiết nổi rít lên:

— Các anh giết người! Giết một người cô thế, không phòng-bị! Ta phải giết các anh!

Đoàn-Vân bình-tĩnh thông-thả đáp:

— Chị hãy bớt nóng, để tôi nói rõ đầu đuôi đã!

(Còn nữa)
CHUYỆN

Giới thiệu

Chúng tôi bày nhận được của nhà Tân Dân hai cuốn sách:

1) Đòn bả mới của Vũ-dĩnh-Lông kịch bản mới, bản thường giá 2\$.

2) Búi-hung Bich của Trúc Khê -- loại danh nhân thế kỷ đăng trong Phổ thông chuyên san giá 1\$20

Xin cảm ơn nhà xuất bản và giới thiệu cùng các bạn.

TRI TÂN

QUỐC HỌC THU XA

Mới phát hành

VIỆT HOA THÔNG SỬ

Giá 5\$00

Sắp phát hành

Lược-lược về PHỤ-NỮ VIỆT-NAM

Luận lý DU-THUYẾT YẾU THUẬT

LỊCH-SỬ BẢO-CHÍ hoàn-câu

NGHỆ-THUẬT và DANH-GIAO



mua sách, đặt sách, xin viết cho

M. LÊ VĂN HOÈ

16 bis Tientsin Hanoi

Thư-xã Alexandre de Rhodes

MỚI XUẤT BẢN

LỤC VĂN TIÊN

Quyển nhất

bản dịch của Dương-quảng

Hàm, Pháp-văn và Việt-văn

đối chiếu kèm tranh ảnh của

Mạnh-Quỳnh

sách dày 250 trang khổ 17x23

bản thường: 4\$00, hoặc 0\$60

bản giấy láng 10\$00, hoặc 1\$20

Tổng phát hành

MAI-LINH

21 rue des Pipes

Hanoi

TỦ SÁCH « TÂN VĂN HÓA »

— HÀN-THUYỀN PHÁT HÀNH —

554 SẼ CÓ BẢN:

XÃ HỘI VIỆT NAM

LƯƠNG ĐỨC THIỆP, biên khảo

Nguồn gốc xã hội Việt-nam — Lịch sử tiến hóa của dân Việt-nam — Giải thích các kiến trúc kinh tế, chính trị, văn hóa của xã hội Việt-nam — Con đường phát triển hiện thời của xã hội Việt-nam.

Đầy hơn 400 trang giá 8\$50

SẮP XUẤT BẢN

PHÊ BÌNH

= VĂN CHƯƠNG TRUYỀN KIỀU =

của NGUYỄN BACH KHOA

Hàn thuyên

7. — Tiên-tsìn — HÀNOI

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC

SỬ LƯỢC

của PHAN KHỎANG

Một bộ sách kê-cựu rõ ràng về Văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh thần và vật-chất của đầy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quý của hết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại

Loại thường bán 6\$00 cũ c 0\$47

Loại đặc-biệt 15\$00 cũ c 0\$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho:

Nhà in MAI-LINH Hanoi

Quảng-Vận-Thành phát hành sắp in xong

ĐỜI ĐOÀN-THỂ

của Hải-Tùng — « Tam-Hữu » xuất bản

Một thiên « THỜI BỆNH LŨN » rất đáng nên đọc

Sách dày ngót 150 trang giấy ta, có 17 mục: 1. Tư-đạo và Công-đạo — 2. Cá-nhân và Xã-hội — 3. Xã-hội và các loại xã-hội — 4. Xã-hội muốn đứng vững và tiến bộ cần những điều kiện gì — 5. Quan-niệm về xã-hội của nước ta — 6. Vì dân quan-niệm về xã-hội của người Việt-Nam không được chính xác? — 7. Quan-niệm về xã-hội không được chính-sắc gây ra những tệ-hại gì? — 8. Người Việt-nam ngày nay nên có quan-niệm về xã-hội như thế nào? — 9. Mấy nguyên tắc chính nên chú ý vào khi ta muốn dựng một xã-hội chắc chắn. — 10. Tinh-thần hợp tác. — 11. Tinh-thần giữ kỷ-luật. — 12. Tinh-thần chịu trách-nhiệm và giữ trách-nhiệm — 13. Tôn trọng việc công và của công. — 14. Giữ lễ — 15. Làm việc cho xã-hội. — 16. Lòng bác-ái. — 17. Đàng-cơ-quan vào dựng nền công đức ở xã-hội ta.

Giá bán lẻ 2\$00

Vị nào gửi tiền mua trước ngày 30 Jun 1944, xin trừ 20% trước phí không phải chịu.

Cùng các vị thân chủ Thư-quán, xin chú ý rằng những sách do Quảng-vận-Thành phát hành đều là sách chọn lựa cần thận, vị nào muốn cần bao nhiêu xin kíp viết thư thương-lượng, không lại nhớ như quyền Văn liệu Từ-diễn, năm ngoái, có vị biết đến thì đã hết rồi.

Cùng các nhà văn, — « Tam-Hữu » bản cục chúng tôi, muốn công-hiến quốc-dân những sách có giá-trị, vậy trong hải-rộng quần-tử, vị nào có tác-phẩm gì — hoặc sáng tác, hoặc phiên-dịch, nhất về phổ-thông học-thức — xin cho biết, chúng tôi sẽ tìm đến, trân trọng cầu xin, lễ, tất, nhiên không dám đòi phụ lòng những bậc văn-bào hạ cổ tin yêu tôi.

Mọi việc giao-dịch, xin do: Quảng-Vận-Thành V

16 phố Lê-Lợi Hanoi — 51 phố Doumer-Haiphong

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant: Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chancéaulme, Hanoi